

Tp.HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2021

THƯ MỜI

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT xin thông báo và trân trọng kính mời Quý Cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

1. Thời gian: **8h30, thứ Sáu – 15/10/2021**
2. Địa điểm: **Lô E2a-3, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, TP.Thủ Đức, TP.HCM**
3. Thành phần tham dự:
 - 3.1 Các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT theo danh sách chốt ngày 08/06/2021 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.
 - 3.2 Các khách mời của công ty (nếu có) do Ban Tổng giám đốc đề xuất và HĐQT phê duyệt
4. Nội dung:
 - ✓ Báo cáo của HĐQT và Ban TGD về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021.
 - ✓ Báo cáo của Ban Kiểm soát về Báo cáo tài chính năm 2020.
 - ✓ Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và trích lập các quỹ.
 - ✓ Bổ sung, sửa đổi điều lệ công ty
 - ✓ Một số nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông công ty.

Dự thảo các tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của HPT theo đường dẫn <http://www.hpt.vn> – Mục “Quan hệ cổ đông” để cổ đông truy cập và tham khảo.

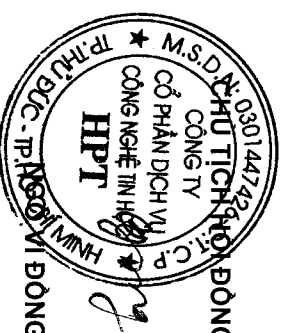
Trong giai đoạn mùa dịch Covid-19, nếu có thay đổi công tác tổ chức chúng tôi sẽ thông báo đến quý cổ đông.

Trường hợp không thể tham dự Đại hội, Quý cổ đông có thể thực hiện việc ủy quyền cho người khác tham dự đại hội theo mẫu đính kèm thông báo này và gửi (bằng email) hoặc gửi trực tiếp cho Ban tổ chức – Ms Huỳnh Thị Thanh Nga - email: ngahtt01@hpt.vn. Nếu không tham dự đại hội và không thực hiện việc ủy quyền thì xem như cổ đông chấp thuận tất cả các vấn đề được thông qua tại đại hội.

Kính đề nghị Quý cổ đông thực hiện theo tinh thần thông báo này để giúp công tác tổ chức Đại hội cổ đông được chu đáo.

Rất mong Quý Cổ đông đến tham dự đầy đủ và đúng giờ.

Trân trọng thông báo!



*** Ghi chú:**

- DHCD năm 2021, Công ty khuyến khích Quý cổ đông thực hiện ủy quyền cho các thành viên HĐQT Công ty để đảm bảo an toàn trong tình hình dịch bệnh Covid-19 hiện nay.
- Tại địa điểm tổ chức Đại hội năm nay, Công ty có chuẩn bị sẵn khẩu trang, nước rửa tay sát khuẩn cho Quý cổ đông trước khi vào phòng họp.
- Cổ đông tham dự đại hội có tình trạng sức khỏe tốt (Không ho, sốt, khó thở, tiếp xúc gần với người nhiễm hoặc nghi nhiễm, đã tiêm ngừa vắc xin ít nhất 1 mũi).

Ngày tháng năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Kinh gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT**Người ủy quyền:**

Tên cổ đông:

Là đại diện của: (Nếu Cổ đông là Pháp nhân)

Số CMND/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Hiện đang sở hữu/Đại diện số hữu cổ phần của Công ty CP Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT.

Số cổ phần bằng chữ:

Ủy quyền cho:

Người được ủy quyền:

Ông (Bà):

Số CMND/ĐKKD: Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Thay mặt tôi tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 để bầu cử, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội và số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần đại diện.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu cổ đông là pháp nhân)

Ghi chú:

- ĐHCĐ năm 2021, Công ty khuyến khích Quý cổ đông thực hiện ủy quyền cho các thành viên HĐQT Công ty để đảm bảo an toàn trong tình hình dịch bệnh Covid-19 hiện nay.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT**

Thời gian: 9h00 – 12h00, ngày thứ - / /2021

Địa điểm: Lô E2a-3, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Tp. Thủ Đức, TP.HCM.

THỜI GIAN	NỘI DUNG	NGƯỜI TRÌNH BÀY
08h45 - 9h00	Chào đón cổ đông - Cổ đông nhận tài liệu đại hội – Phiếu biểu quyết	Ban tổ chức
9h00 - 9h15	Tuyên bố lý do- Giới thiệu thành phần tham dự đại hội	Ban tổ chức
9h15 - 9h25	Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kiểm tra tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội	Ban Kiểm soát
9h25 - 9h40	Đại hội thông qua Chương trình đại hội; Thành phần Chủ tọa đoàn; Thư ký đoàn và Ban Kiểm phiếu	Ban tổ chức
09h40 - 10h10	Phát biểu khai mạc Đại hội. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	Chủ tịch HĐQT
10h10 - 10h25	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Tổng Giám đốc
10h25 - 10h35	Báo cáo của Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát
10h35 - 10h50	Nghỉ giải lao	
	Hội đồng quản trị (HĐQT) đọc các tờ trình trước đại hội: <ul style="list-style-type: none">Phương án phân phối Lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020Chi trả cổ tức năm 2020 – Kế hoạch cổ tức 2021Chỉnh sửa điều lệ Công tyKinh phí hoạt động của HĐQT và ban kiểm soátĐơn vị kiểm toánThông qua quy chế Hội đồng quản trịThông qua quy chế Quản trịThông qua quy chế Ban kiểm soát	Đại diện HĐQT
11h15 - 11h25	Đại hội thảo luận và thông qua các báo cáo, tờ trình	Cổ đông
11h25 - 11h35	Đại hội thông qua Nghị quyết đại hội	Đại diện HĐQT
11h35 -12h00	Phát biểu tổng kết đại hội - Bế mạc Đại hội	Chủ tịch HĐQT

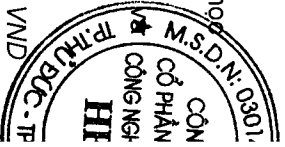
Tp. HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG*(Về Phương án phân phối Lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020)*

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Điều lệ công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT.
- Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán của công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua báo cáo kết quả kinh doanh và phương án phân phối Lợi nhuận, trích lập các quỹ như sau:



Đơn vị tính: VND

Stt	Chi tiêu	Số tiền
1.	Lợi nhuận (LN) trước thuế TNDN năm 2020	17.317.573.966
2.	Thuế TNDN hiện hành	2.653.659.609
3.	Lợi nhuận sau thuế (1-2)	14.663.914.357
4.	Trích lập các quỹ	4.399.174.307
	Trong đó	
A	Trích Quỹ đầu tư phát triển 5% LN sau thuế (mục 3*5%)	733.195.718
B	Trích Quỹ phúc lợi 5% LN sau thuế (mục 3*5%)	733.195.718
C	Trích Quỹ Khen thưởng 20% LN sau thuế (mục 3*20%)	2.932.782.871
5.	LN còn lại sau khi trích lập các quỹ (3-4)	10.264.740.050
6.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	10.264.740.050

Tình hình các Quỹ sau khi trích lập năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VND

Stt	Chi tiêu	Số dư đầu năm 2020	Số đã sử dụng trong năm 2020	Số sẽ trích từ LN năm 2020 (trích trong năm 2021)	Số dư cuối năm 2020
1.	Quỹ đầu tư phát triển	7.407.007.235	470.358.843	733.195.718	7.669.844.110 (*)
	Tổng cộng các quỹ	14.923.914.371	4.770.591.743	4.399.174.307	14.552.496.935

2.	Quý Khen thưởng	5.849.582.862	3.303.900.000	2.932.782.871	5.478.465.733(**)
3.	Quý Phúc lợi	1.667.324.274	996.332.900	733.195.718	1.404.187.092(***)

(*) Quý đầu tư phát triển đã sử dụng đến tháng 6/2021 là 117 triệu đồng

(**) Quý Khen thưởng đã sử dụng đến tháng 6/2021 là 2,3 tỷ đồng

(***) Quý Phúc lợi đã sử dụng đến tháng 6/2021 là 154 triệu đồng

Kính trình,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Vi Đông



Tp.HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v Chi trả cổ tức năm 2020 - Kế hoạch cổ tức năm 2021)

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ vào Điều lệ công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của công ty HPT.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc chi trả cổ tức năm 2020 và kế hoạch cổ tức năm 2021 như sau:

1. Chi trả cổ tức năm 2020:

- Trả cổ tức bằng tiền mặt. Tỷ lệ cổ tức là 7% trên mệnh giá (tức 700đ/cổ phiếu)
- Thời gian chi trả: Tháng 10/2021.

2. Kế hoạch cổ tức năm 2021:

Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021 là 8%-10% bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu.

Kính trình.



Ngô Vi Đông

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v Kinh phí hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2021)

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ vào Điều lệ công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT
- Căn cứ vào điều kiện làm việc của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua mức kinh phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

Stt	Khoản mục	Chi phí
1.	Kinh phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021	200.000.000đ/năm (Hai trăm triệu đồng)
2.	Thưởng vượt chỉ tiêu	10% trên phần Lãi ròng sau thuế TNDN vượt kế hoạch cam kết

Kính trình,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tp. HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán)

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ vào Điều lệ công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT.

Nhằm đảm bảo lựa chọn công ty kiểm toán có kinh nghiệm, chuyên nghiệp và phù hợp, Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty HPT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập theo danh sách dưới đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC)
2. Công ty TNHH Kiểm toán BDO
3. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
4. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam (AFC Vietnam)
5. Công ty TNHH Kiểm toán DTL

Các công ty kiểm toán này nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được chấp thuận bởi Ủy ban chứng khoán.

Và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 cho công ty HPT. Việc lựa chọn công ty kiểm toán đáp ứng các yêu cầu:

1. Là công ty kiểm toán nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
2. Đáp ứng được yêu cầu của công ty HPT về chất lượng công việc kiểm toán và thời gian hoàn tất Báo cáo kiểm toán.

Kính trình,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

SHÙ TỊCH



Ngô Vi Đông

Tp.HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty)

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ và Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

Đề hoạt động của Công ty tuân thủ và phù hợp với Luật Doanh nghiệp; Nghị định của Chính Phủ và Thông tư của Bộ tài chính theo các căn cứ nêu trên, đồng thời đảm bảo quyền lợi của các cổ đông cũng như sự phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty cổ phần Dịch vụ công nghệ Tin học HPT.

(Vui lòng xem phần tổng hợp nội dung sửa đổi/bổ sung đính kèm).

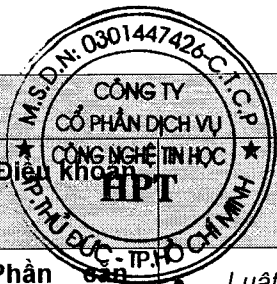
Kính trình,

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngô Vĩ Đông

BẢNG SO SÁNH NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ NĂM 2021



Stt	Điều khoản	Điều lệ hiện hành	Phản kiến nghị sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi Căn cứ pháp lý
1	Phản cứ pháp lý	<ul style="list-style-type: none"> Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng Thông tư số 95/2017/TT BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng Luật Chứng khoán của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 70/2006/QH 11 khoá XI, kỳ họp thứ 9 từ ngày 16 tháng 5 đến 29 tháng 6 năm 2006 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Nghị định số 58/2012/ NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán Những qui định thực hiện của các văn bản pháp luật nói trên và các luật lệ và qui định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chứng khoán. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng. Những qui định thực hiện của các văn bản pháp luật nói trên và các luật lệ và qui định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam 	Cập nhật các văn bản pháp luật, quy định mới điều chỉnh điều lệ
2	Điều 2 Khoản 2.2	Biểu tượng (logo) (chưa quy định)	Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 127943 do Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học công nghệ cấp theo Quyết định số 13075/QH_SHTT ngày 24/06/2009, quyết định gia hạn số 58034 /QĐ- SHTT ngày 08/11/2027.	Bổ sung hồ sơ đăng ký bảo hộ logo của Công ty
3.	Điều 4 Khoản 4.3	<p>4.3 Quyền hạn của Công ty</p> <p>z. Tiến hành tất cả các hoạt động hợp pháp khác và thực thi tất cả các thỏa thuận, văn bản và văn kiện pháp lý khác</p>	<p>4.3 Quyền hạn của Công ty</p> <p>Đề nghị bỏ điểm z</p>	Điều 5, Điều lệ mẫu, TT 116/2020

		nếu xét thấy cần thiết hoặc đòi hỏi cho mục tiêu của Công ty hoặc của hoạt động kinh doanh của Công ty.		
4	Điều 7 Khoản 7.3	<p>7.3 Tăng vốn điều lệ</p> <p>a. Căn cứ theo đoạn b dưới đây, Hội đồng Quản trị có thể quyết định phát hành thêm Cổ phần, thông qua việc phát hành ra công chúng hoặc phát hành nội bộ với điều kiện là giá của mỗi Cổ phần mới này, tính gộp cả chi phí phát hành và các chi phí có liên quan khác, không được thấp hơn giá thị trường của mỗi Cổ phần ngay trước ngày bán cổ phần, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có thể phát hành các cổ phần đó với khoản chiết khấu tối đa là 5% nếu được Pháp luật cho phép. Những trường hợp khác sẽ xin ý kiến của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá thị trường của mỗi Cổ phần phải được Hội đồng Quản trị xác định một cách trung thực, sau khi đã tham khảo các ý kiến chuyên môn thích hợp.</p> <p>b. Trừ khi có quyết định khác bằng biểu quyết đại đa số chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông, nếu Công ty đề nghị phát hành thêm Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác, hoặc trái phiếu thì Công ty sẽ gửi văn bản thông báo đến mỗi Cổ đông trong đó nêu rõ loại Cổ phần phát hành thêm, giá bán và các điều khoản chung của việc phát hành mà Công ty đề xuất thực hiện</p> <p>c. Việc phát hành thêm Cổ phiếu phải tuân thủ theo tất cả quy định của Pháp luật và theo quy định của Điều lệ này, bao gồm các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán, chuyển nhượng, nhượng lại, chuyển đổi, tước quyền hoặc những điều kiện khác.</p>	<p>Điều 7.3 Tăng vốn điều lệ</p> <p>a. Để tăng vốn điều lệ Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán hoặc chi trả cổ tức bằng cổ phần. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu; - Chào bán cổ phần riêng lẻ; - Chào bán cổ phần ra công chúng. <p>b. Trừ khi có quyết định khác bằng biểu quyết đại đa số chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông, nếu Công ty đề nghị phát hành thêm Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác, hoặc trái phiếu thì Công ty sẽ gửi văn bản thông báo đến mỗi Cổ đông trong đó nêu rõ loại Cổ phần phát hành thêm, giá bán và các điều khoản chung của việc phát hành mà Công ty đề xuất thực hiện</p> <p>c. Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty đại chúng và tổ chức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán</p>	Căn cứ Điều 123, 135 Luật DN 2020
5	Điều 7 Khoản 7.4	<p>Điều 7.4 Giảm vốn điều lệ</p> <p>Vốn Điều Lệ có thể được giảm theo phương thức, số tiền và thời điểm giảm vốn thông qua biểu quyết của Đại Hội đồng Cổ đông, (bao gồm cả việc mua lại Cổ phiếu từ Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần mà mỗi Cổ đông đang nắm giữ trong Công ty). Việc giảm vốn Điều lệ phải tuân theo các qui định của Pháp luật.</p>	<p>Điều 7.4 Giảm vốn điều lệ</p> <p>Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;</p>	Căn cứ Khoản 5, Điều 112 – Luật DN 2020

			b. Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp	
6	Điều 8 Khoản 8.4	<p>Điều 8.4. Chào bán cổ phần</p> <p>a. Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất. Trừ những trường hợp sau:</p> <p>i. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;</p> <p>ii. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty.</p> <p>iii. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, giá chào bán cổ phần không thấp hơn giá thị trường trừ đi phần hoa hồng dành cho người môi giới và bảo lãnh. Hoa hồng được xác định bằng tỷ lệ phần trăm của giá trị cổ phần tại thời điểm chào bán. Số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;</p>	<p>Điều 8.4. Chào bán cổ phần</p> <p>Đề nghị bỏ điểm (không còn phù hợp)</p>	
5	Điều 8 Khoản 8.4	<p>Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.</p> <p>b. Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên,</p>	Đề nghị bỏ không phù hợp công ty đại chúng	theo K 2 Điều 124 Luật Doanh nghiệp 2020

		<p>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành;</p> <p>c. Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;</p> <p>d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán</p>		
6	<p>Điều 8 Khoản 8.5</p>	<p>Điều 8.5 Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>a. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p> <p>b. Để đăng ký việc chuyển nhượng Cổ phần trong Sổ Đăng ký Cổ đông, Cổ đông phải nộp cho Tổng Giám đốc đơn chuyển nhượng cùng với Cổ phiếu thể hiện số Cổ phần được chuyển nhượng và bất kỳ các bằng chứng nào khác của việc chuyển nhượng mà Tổng Giám đốc có thể yêu cầu một cách hợp lý. Đơn chuyển nhượng Cổ phần có thể lập theo hình thức thông thường hoặc có hình thức khác do Hội đồng Quản trị phê duyệt. Việc chuyển nhượng có thể được người chuyển nhượng và người được chuyển nhượng hoặc đại diện của họ thực hiện.</p> <p>c. Công ty phải lưu giữ tất cả các đơn chuyển nhượng có liên</p>	<p>Điều 8.5 Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>a. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>b. Việc chuyển nhượng cổ phần được mua ưu đãi thuộc sở hữu của Người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>c. Việc chuyển nhượng cổ phần thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường theo quy định của Công ty hoặc</p>	<p>Điều 127 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>quan đến việc chuyển nhượng các Cổ phần đã đăng ký.</p> <p>d. Ngay sau khi nhận được đơn chuyển nhượng và Cổ phiếu có liên quan có hình thức phù hợp như quy định của Điều khoản này, Tổng Giám đốc phải ghi nhận các chi tiết liên quan đến việc chuyển nhượng vào Sổ Đăng ký Cổ đông. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc có quyền từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu như việc chuyển nhượng không được Pháp luật cho phép hoặc trái với các điều khoản của Điều lệ này. Nếu Tổng Giám đốc từ chối ghi nhận việc chuyển nhượng Cổ phần, việc từ chối này phải được thông báo cho người được chuyển nhượng Cổ phần trong thời gian hai tháng</p>	<p>thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán</p>	
7	Điều 8 Khoản 8.6	<p>8.6 Chuyển giao cổ phần</p> <p>a. Trong trường hợp một Cổ đông qua đời, người thi hành di chúc hoặc người quản lý tài sản của người đã qua đời theo quy định của Pháp luật sẽ là người hoặc những người duy nhất được Công ty thừa nhận là có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phiếu, nhưng không có quy định nào trong Điều khoản này giải ước tài sản của Cổ đông đã qua đời khỏi các trách nhiệm đối với bất cứ cổ phần nào do người đó nắm giữ.</p> <p>b. Một người có các quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời hoặc bị phá sản sẽ trở thành Cổ đông của Công ty với điều kiện người đó cung cấp được các bằng chứng đáp ứng với yêu cầu của Hội đồng Quản trị.</p> <p>c. Một người có quyền thừa hưởng đối với Cổ phần vì lý do Cổ đông nắm giữ Cổ phần này qua đời hoặc bị phá sản sẽ có mọi quyền đối với Cổ phần như thể người này là Cổ đông, ngoại trừ quyền tham dự và biểu quyết trong các Đại Hội đồng Cổ đông thì chỉ có được sau khi người này đã đăng ký thành Cổ đông</p>	<p>8.6 Chuyển giao cổ phần</p> <p>a. Trong trường hợp một Cổ đông qua đời, thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ công của Công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>b. Một người có các quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời sẽ trở thành Cổ đông của Công ty với điều kiện người đó cung cấp được các bằng chứng đáp ứng với yêu cầu của Hội đồng Quản trị.</p> <p>c. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty..</p> <p>d. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông</p>	
8	Điều 9 Khoản 9.1	<p>Điều 9. Cổ phiếu</p> <p>9.1 Sau khi Cổ đông đã được ghi tên vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, Tổng Giám đốc phải phát hành,</p>	<p>Điều 9. Cổ phiếu</p> <p>9.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu</p>	<p>Điều 7 Điều lệ mẫu TT 116/2020 và Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh</p>

	<p>hoặc đảm bảo có một nhân viên của Công ty được ủy quyền phát hành cho Cổ đông này Cổ phiếu của các Cổ phần mà người này nắm giữ theo như quy định của Điều 9.</p> <p>9.2 Tùy thuộc vào Điều 9.4 dưới đây, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế nhiều Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần nắm giữ bằng một Cổ phiếu chung.</p> <p>9.3 Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Cổ phiếu phải bao gồm các thông tin dưới đây, trong phạm vi được Pháp luật quy định:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên và Trụ sở của Công ty; Số và ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh; Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu; Tên Cổ đông; Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng Cổ phần; Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty; và Số đăng ký tại Sở Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu. <p>9.4 Nếu Cổ phiếu bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, Tổng Giám đốc sẽ phát hành Cổ phiếu mới theo yêu cầu của Cổ đông có liên quan. Cổ phiếu mới sẽ có hiệu lực bãi bỏ và thay thế Cổ phiếu cũ bị xóa, hư hỏng, mất, tiêu hủy hoặc không còn sử dụng được nữa, với điều kiện là Cổ đông sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả các khoản tổn thất và chi phí liên quan. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này, như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh.</p>	<p>một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>9.2 Tùy thuộc vào Điều 9.4 dưới đây, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế nhiều Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần nắm giữ bằng một Cổ phiếu chung.</p> <p>9.3 Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Cổ phiếu phải bao gồm các thông tin dưới đây, trong phạm vi được Pháp luật quy định:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, mã số doanh nghiệp và Trụ sở của Công ty; Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty; và Số đăng ký tại Sở Đăng ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu. Nội dung khác với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi <p>9.4 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này, như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới 	<p>ngành 2020</p>
--	--	---	-------------------

9	Điều 10 Khoản 10.1	Điều 10. Phát hành trái phiếu 10.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu ra công chúng hoặc bán trái phiếu trực tiếp cho các nhà đầu tư theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị, phù hợp với quy định của Pháp luật và phải thông qua Hội đồng Cổ đông. Tất cả các điều kiện và điều khoản liên quan đến việc phát hành trái phiếu phải được Hội đồng Quản trị thông qua bằng nghị quyết, ngoại trừ trường hợp Hội đồng Quản trị ủy quyền hợp pháp vấn đề trên cho Tổng Giám đốc.	Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác 10.1 Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trình tự và thủ tục phát hành thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành.	Điều 8, Điều lệ mẫu TT 116/2020
---	---	--	---	------------------------------------

10	Điều 11 Khoản 11.2	Điều 11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông a. Cổ đông có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> i. Tham gia các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; ii. Được nhận cổ tức tại thời điểm và giá trị do Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của Điều lệ này; iii. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; iv. Khi Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại của Công ty với tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán tất cả các khoản nợ cho tất cả các chủ nợ là những người được ưu tiên hơn theo Pháp luật qui định; v. Tùy thuộc vào quy định tại Điều khoản 25, được xem thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ngoại trừ các Thông tin Mật quy định trong Điều khoản 25.2 (c)); b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau: vi. Đề cử các Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát theo tỷ lệ phần trăm bằng hoặc xấp xỉ bằng tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình trong tổng số cổ phần của Công ty; vii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích 	Điều 11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông a Cổ đông có các quyền sau: <ol style="list-style-type: none"> i. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết ii. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; iii. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu; iv. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.; v. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; vi. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông vii. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan viii. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp ; ix. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông ; x. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật ; xi. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp ; xii. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ 	Căn cứ Điều 115 Luật DN 2020; Điều 12 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020
----	-------------------------------------	---	--	--

		<p>kiểm tra;</p> <p>viii. Yêu cầu triệu tập Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường;</p> <p>ix. Xem và nhận bản sao, trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông.</p> <p>x. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.</p>	<p>này;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau có các quyền sau:</p> <p>i. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>ii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>iii. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>iv. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</p> <p>v. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.</p>	
--	--	--	---	--

11	Điều 11 Khoản 11.2	Điều 11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông c. Chưa quy định	Điều 11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Trường hợp [Điều lệ công ty không có quy định khác] thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: i. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; ii. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử	Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020
12	Điều 11 Khoản 11.2	c. Nghĩa vụ của cổ đông: xi. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; xii. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; xiii. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần; xiv. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành; xv. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Vi phạm pháp luật; ✓ Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; ✓ Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty 	d. Nghĩa vụ của cổ đông: i. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ii. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; iii. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra; iv. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông	Căn cứ Điều 13, Điều lệ mẫu TT 116/2020

			<p>tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>v. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương thức khác theo quy định công ty. <p>vi. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>vii. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vi phạm pháp luật; - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty. 	
13	Điều 12	<p>Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>12.2 Sổ Đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại Văn phòng của Công ty và Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm về việc bảo quản, cập nhật Sổ Đăng ký Cổ đông, và về tính chính xác của tất cả các thông tin ghi chép trong sổ.</p> <p>12.3 Chậm nhất là 14 ngày sau khi nhận được thanh toán đầy đủ cho các Cổ phần do Công ty phát hành, Tổng Giám đốc sẽ ghi chép hoặc đảm bảo rằng nhân viên của Công ty sẽ ghi chép các chi tiết có liên quan đến Cổ đông vào trong Sổ Đăng ký Cổ đông.</p> <p>12.4 Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ.</p>	<p>Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>12.2.Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>12.3 Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do</p>	Điều 122 Luật Doanh nghiệp 2020

		<p>Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ Đăng ký Cổ đông.</p> <p>12.5 Công ty không có quyền hủy bỏ hoặc thanh lý bất kỳ một tài liệu nào trong số các hồ sơ sau trong thời hạn lưu trữ do Pháp luật quy định:</p> <p>a. Đơn chuyển nhượng cổ phần đã được đăng ký, và các chứng từ khác làm cơ sở cho việc điều chỉnh các thông tin trong Sổ Đăng ký Cổ đông;</p> <p>b. Các Cổ phiếu đã bị hủy bỏ và Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm chứng minh tính chính xác của bất kỳ các thông tin hoặc thiếu sót nào ghi chép trong Sổ Đăng ký Cổ đông nếu Công ty không tuân thủ theo các điều khoản đã đề cập trong đoạn này.</p>	<p>không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ Đăng ký Cổ đông.</p>	
14	Điều 14	<p>Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p> <p>Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>14.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>14.2 Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại Điều 14.3 bản Điều lệ này.</p> <p>14.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho</p>	<p>Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty</p> <p>Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:</p> <p>14.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;</p> <p>14.2 Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại Điều 14.3 bản Điều lệ này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường</p> <p>14.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông</p>	Khoản 2, Khoản 3 Điều 133 Luật DN 2020

		<p>Công ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo.</p>	<p>đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.</p>	
--	--	--	---	--

15	Điều 17	<p>Điều 17. Đại Hội đồng Cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. - Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. - Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa; c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ; d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 10.2 b 	<p>Điều 17. Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>17.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>17.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p> <p>17.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan); d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;; 	<p>Căn cứ Điều 14, Điều lệ mẫu TT 116/2020</p>
----	---------	--	---	--

của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- g. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản -c Điều 17 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản -d và -e Điều 17.
- h. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản- g Điều 17 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
- i. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản -h Điều 17 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản -d Điều 17 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- j. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi

- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

17.4 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Khoản -b Điều 17.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản -c và -d Điều 17.3.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản- a Điều 17.4 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 17.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

		lại.		
16	Điều 17	<p>17.1 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>i. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;</p>	<p>Điều 17.5 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại .</p>	Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020

	<ul style="list-style-type: none"> ii. Báo cáo của Ban kiểm soát; iii. Báo cáo của Hội đồng quản trị; iv. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty. b. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau: <ul style="list-style-type: none"> i. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm; ii. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông; iii. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị; iv. Lựa chọn công ty kiểm toán; v. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành; vi. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị; vii. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty; viii. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập; ix. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; x. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý; xi. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty; xii. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; xiii. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần đã bán; xiv. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; xv. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng 	<p>được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <ul style="list-style-type: none"> c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác]; đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. 	
--	---	--	--

		<p>với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>xvi. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;</p> <p>c. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.</p>		
17	Điều 17	Chưa quy định	<p>17.6 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; [trường hợp công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, thành viên độc lập Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại Điều 284 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán];</p> <p>d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p>	Khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020

			<p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác];</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật</p>	
--	--	--	---	--

			<p>Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	
18	Điều 17	<p>17.2 Các đại diện được ủy quyền</p> <p>a. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>i. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>ii. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>iii. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p>17.7 Các đại diện được ủy quyền</p> <p>a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)</p>	Điều 16, Điều lệ mẫu theo TT 116/2020

19	Điều 17	<p>17.3 Thay đổi các quyền</p> <p>a. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p>	<p>17.8 Thay đổi các quyền</p> <p>a. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p>	Điều 17, Điều lệ mẫu theo TT 116/2020
20	Điều 17	<p>17.4 Thẩm quyền triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>a. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên được tổ chức ít nhất mỗi năm một lần tại thời điểm và địa điểm do Hội đồng Quản trị quyết định. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp chương trình nghị sự của mỗi Cuộc họp Thường niên cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị.</p> <p>b. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường sẽ được Hội đồng Quản trị triệu tập bằng thông báo theo yêu cầu của (i) Hội đồng Quản trị thông qua việc biểu quyết của đa số các Thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trong một cuộc họp hợp lệ, hoặc (ii), Ban Kiểm soát, trong trường hợp Hội đồng Quản trị bị phát hiện vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình. (iii) Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông qui định tại Điều 10.2 b. Cá nhân hoặc đơn vị yêu cầu triệu tập Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường phải nêu trong yêu cầu của mình các vấn đề sẽ được thảo luận và các giải pháp kiến nghị lên Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Bất thường.</p>	<p>17.9 Thẩm quyền triệu tập, chương trình họp và thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 17.4 Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>i) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông [nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn]. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>ii) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>iii) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>iv) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p>	Điều 18, Điều lệ mẫu theo TT 116/2020

			<p>v) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>vi) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>vii) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
21	Điều 17 Điểm Khoản 17.4	<p>c. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.</p> <p>Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. <p>Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài</p>	<p>c. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; iii) Phiếu biểu quyết; iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm b Điều 11.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối</p>	Điều 18, Điều lệ mẫu theo TT 116/2020

		<p>liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.</p> <p>Bỏ các khoản d, e, f, g thay thế bằng các nội dung mới</p>	<p>kiến nghị quy định tại khoản c Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm c Điều này;</p> <p>ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ này;</p> <p>iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này</p> <p>f. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm c Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm d Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận</p> <p>g. Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại Hội đồng Cổ đông đó.</p> <p>h. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành</p>	
22	Điều 17 17.5	<p>17.5 Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>b. Nếu không đủ số đại biểu dự họp tối thiểu cần có tại Đại Hội đồng Cổ đông hiện diện trong vòng 30 phút sau khi phiên họp dự kiến bắt đầu, hoặc nếu trong quá trình họp Đại Hội đồng Cổ đông số đại biểu hiện diện dưới</p>	<p>17.10 Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết .</p> <p>b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông</p>	Điều 19, Điều lệ mẫu theo TT 116/2020

		<p>mức tối thiểu, cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông sẽ được hoãn lại.</p> <p>c. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1.</p>	<p>triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên .</p> <p>c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	
23	<p>Điều 17. Khoản 17.6, điểm b</p>	<p>17.6 Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.</p>	<p>17.11 Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	

24	Điều 17. Khoản 17.6, điểm b	d. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố	d. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.	
25	Điều 17. Khoản 17.6,	Chưa quy định rõ	e. Trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. f. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; g. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp	
26	Điều 17. Khoản 17.6, điểm f	f. Chủ tọa Đại hội cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẻ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó	h. Chủ tọa Đại hội cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c)) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết,.. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẻ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó	Khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020

27	Điều 17. Khoản 17.6,	h. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội cổ đông ít nhất một lần. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	Đề nghị bỏ	
28	Điều 17. Khoản 17.7	<p>17.7 Chương trình và nội dung họp Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>a. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp;</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.2 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 3 ngày trước ngày khai mạc Đại Hội Cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>c. Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 17.7 b nếu có một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>i. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>ii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của Đại Hội đồng Cổ đông</p>	Đề nghị bỏ vì trùng với điểm d,e Khoản 17.9	
29	Điều 17. Khoản 17.8	17.8 Thay đổi nội dung chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông	Đề nghị bỏ vì trùng với điểm d,e Khoản 17.9	
30	Điều 17. Khoản 17.9	<p>17.9. Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>a. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ [51%] trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>i. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p>	<p>17.12 Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông</p> <p>a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p>	Điều 21, Điều lệ mẫu theo TT 116/2020

		<p>ii. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>iii. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc).</p> <p>b. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>c. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ [65%] trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>vi) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;</p> <p>v) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>vi) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty</p>	
31	Điều 17 Khoản 17.10	<p>17.10Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự</p>	<p>17.13Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a.Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu</p>	Căn cứ Điều 22 Điều lệ mẫu, TT 116/2020

		<p>thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;</p> <p>d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p> <p>f. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>h. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông;</p> <p>d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết</p> <p>f. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;</p> <p>h. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	--	--	---	--

32	Điều 17 Khoản 17.11	<p>17.11 Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</p> <p>b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>17.14 Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm c Điều 17.12 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p>	Điều 24 Điều lệ mẫu TT 116/2020
33	Điều 18 Khoản 18.1	<p>18.1 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p> <p>i. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;</p> <p>ii. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>iii. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</p> <p>iv. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>v. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;</p> <p>vi. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>vii. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi</p>	<p>18.1 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>i) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>ii) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>iii) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>iv) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>v) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>vi) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công</p>	

		<p>thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>ii. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;</p> <p>x. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>x. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>ii. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.</p>	<p>nghệ;</p> <p>vii) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>viii) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>ix) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>x) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>xi) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>xii) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>xiii) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>xiv) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá</p>	
--	--	--	--	--

			<p>sản Công ty;</p> <p>xv) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;</p> <p>xvi) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty</p> <p>xvii) Quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, phê duyệt điều lệ bổ sung sửa đổi điều lệ của các công ty con, thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty con;</p> <p>xviii) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>xix) Công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần đã phát hành;</p> <p>Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty</p>	
34	Điều 18 Khoản 18.1	<p>d. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>i. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>ii. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>iii. Trong phạm vi quy định tại Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thầu tóm công ty và liên doanh);</p> <p>v. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>vi. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p>	<p>Đề nghị bỏ vì đã nêu chung phần quyền và nghĩa vụ của HĐQT phía trên</p>	

		<ul style="list-style-type: none"> ii. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách từ đầu năm, các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm; ii. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài; ii. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; x. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần trong vòng 12 tháng; Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng x. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; xi. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty. 		
35	Điều 18 Khoản 18.1	<p>e. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua</p> <p>g. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.</p>	<p>d. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p> <p>f. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên</p> <p>g. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo</p>	

		<p>h. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị [và số tiền thù lao cho từng thành viên] phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên</p> <p>j. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty</p>	
36	<p>Điều 18 Khoản 18.2</p>	<p>18.2 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tính đến năm 2020 là 7 người và số lượng thay đổi tùy theo tình hình thực tế của công ty tại từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>c. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; ii. Trình độ học vấn; iii. Trình độ chuyên môn; iv. Quá trình công tác; v. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; vi. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên 	<p>18.2 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tính đến năm 2020 là 7 người và số lượng thay đổi tùy theo tình hình thực tế của công ty tại từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</p> <p>c. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; ii. Trình độ chuyên môn; ii. Quá trình công tác; iv. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); v. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; vi. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); viii Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ 	<p>Điều 25, 26, Điều lệ mẫu TT 116/2020</p>

		<p>Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>vii. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>viii Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>ix. Các thông tin khác (nếu có).</p> <p>d. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên</p>	<p>thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	
37	Điều 18 Khoản 18.3	<p>Điều 18.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>a. Hiện không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên ban điều hành của bất kỳ một doanh nghiệp khác cạnh tranh với công ty</p> <p>b. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;</p> <p>c. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>d. Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.</p>	<p>Điều 18.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;</p> <p>d. Tiêu chuẩn điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định Luật chứng khoán và Luật Doanh nghiệp</p>	Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020

38	Điều 18 Khoản 18.4	18.4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT <p>Thành viên HĐQT sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; c. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống; d. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 	18.4. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị <ul style="list-style-type: none"> a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;; b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;; c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; d. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. 	Điều 160 Luật DN 2020
39	Điều 18 Khoản 18.6	18.6 Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị <ul style="list-style-type: none"> a. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó 	18.6 Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị <ul style="list-style-type: none"> a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty.. b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: <ul style="list-style-type: none"> i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; ii. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; iii. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; iv. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; v. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; vi. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty]. 	Điều 29 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020

		<p>Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.</p>	<p>c. . Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị..</p> <p>e. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.</p>	
40	<p>Điều 18 Khoản 18.7</p>	<p>18.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>c. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>i. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>ii. Hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>iii. Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>iv. Đa số thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>d. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị</p>	<p>18.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp những người dưới đây có đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>i. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;</p> <p>ii. Hai thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>iii. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về</p>	<p>Điều 30 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020</p>

			những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.	
41	Điều 18 Khoản 18.7	<p>g. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>h. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.</p> <p>p. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu</p>	<p>f. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ít nhất ba ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>h. Số thành viên tham dự tối thiểu: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp</p> <p>p. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của</p>	Điều 30,31 Điều lệ mẫu theo TT 116/ 2020

		<p>ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>q. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>tiểu ban.</p> <p>q. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty</p>	
42	Điều 18 Khoản 18.7	<p>18.8 Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>18.8 Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tọa và thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>c. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định Điều này thì biên bản này có hiệu lực</p>	
43	Điều 19 Khoản 19.2	<p>19.2 Tổng giám đốc và phó Tổng Giám đốc</p> <p>a. Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm và bãi nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 4 (bốn) năm và Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác do Hội đồng Quản trị quyết định.</p>	<p>19.2 Tổng giám đốc và phó Tổng Giám đốc</p> <p>a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 4 (bốn) năm và Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p>	

44	Điều 19 Khoản 19.2	<p>e. Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và trách nhiệm thực hiện những điều sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. tổ chức soạn thảo các kế hoạch kinh doanh và ngân sách với đầy đủ chi tiết để đệ trình lên Hội đồng Quản trị, hoặc trong trường hợp cần thiết, lên Đại Hội đồng Cổ đông; ii. điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng quy định; iii. giám sát các hoạt động và công việc kinh doanh của Công ty nói chung; iv. đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước và trước những Người khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị; v. ký và thực hiện tất cả các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác, trừ các văn bản phải được Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định trong Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông; vi. ký và thực hiện các hợp đồng tuyển dụng và khen thưởng, kỷ luật, và sa thải thành viên Ban Điều hành (trừ bản thân Tổng Giám đốc), nhân viên và công nhân của Công ty và xác định các quyền và nghĩa vụ tương ứng của họ; vii. quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn; iii. giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị; x. thay mặt Công ty thanh toán và nhận các khoản tiền mặt, viết và nhận séc, nói chung, quản lý các tài khoản của Công ty, cũng như giải quyết tất cả các vấn đề về tài chính, thuế, và ngoại hối của Công ty trong giới hạn cho phép được xác định bởi nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị; và x. thực thi các quyền và nghĩa vụ khác (A) không dành cho Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị hoặc (B) 	<p>e. Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; ii. Điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng quy định; iii. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; iv. Đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước và trước những Người khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị; v. Ký và thực hiện tất cả các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác, trừ các văn bản phải được Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định trong Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông; vi. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; vii. Tuyển dụng lao động, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc. Quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn; viii. Giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị; ix. Thay mặt Công ty thanh toán và nhận các khoản tiền mặt, viết và nhận séc, nói chung, quản lý các tài khoản của Công ty, cũng như giải quyết tất cả các vấn đề về tài chính, thuế, và ngoại hối của Công ty trong giới hạn cho phép được xác định bởi nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và 	Điều 35 Điều lệ mẫu theo TT 116/ 2020
----	-------------------------------------	--	--	---

		được Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị ủy thác hoặc giao cho bằng nghị quyết và nói chung thực hiện các nghĩa vụ theo sự chỉ đạo của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị.	Hội đồng Quản trị; và x. Thực thi các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và quy định pháp luật hiện hành.	
45	Điều 19 Khoản 19.5	19.5 Không kiêm nhiệm Trừ trường hợp được Đại Hội đồng Cổ đông phê chuẩn và được Pháp luật cho phép, Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành không được đồng thời giữ chức vụ Tổng giám đốc hoặc bất kỳ một vị trí quản lý khác hay nhân viên khác của bất kỳ một tổ chức kinh tế nào khác tại Việt Nam. Không một nhân viên nào của Công ty, kể cả Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Điều hành của Công ty, được tham gia hoặc làm việc cho bất kỳ tổ chức kinh doanh nào tại Việt Nam mà Hội đồng Quản trị cho rằng có khả năng gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty	Đề nghị bỏ vì không phù hợp	
46	Điều 19 Khoản 19.6	19.6 Thư ký công ty Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý, Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; b. Làm biên bản các cuộc họp; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	19.6 Thư ký, Người phụ trách quản trị công ty a. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. b. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. c. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: i) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; ii) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc	Điều 32 Điều lệ mẫu Theo TT 116/2020/BTC

			<p>Ban kiểm soát;</p> <p>iii) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>iv) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>v) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>vi) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>vii) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;</p> <p>viii) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>ix) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>x) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].</p>	
47	<p>Điều 20 Khoản 20.1</p>	<p>20.1Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông hoặc HĐQT chấp nhận</p> <p>a. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>i. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;</p> <p>iii. Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc</p>	<p>20.1Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông hoặc HĐQT chấp nhận</p> <p>Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>i. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp</p> <p>b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có</p>	<p>Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

		<p>b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết</p> <p>c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p>giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</p>	
48	Điều 21 Khoản 21.1	<p>21.1 Thành viên ban kiểm soát</p> <p>a. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> i. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; ii. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; iii. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông. 	<p>21.1 Thành viên ban kiểm soát</p> <p>a. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> i. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát; ii. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; iii. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông 	Điều 38 Điều lệ mẫu TT 116/2020

49	Điều 21 Khoản 21.2	<p style="text-align: center;">21.2 Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát:</p> <p>a. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 104 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> i. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập; ii. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; iii. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; iv. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; v. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; vi. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty; vii. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và viii. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý. 	<p style="text-align: center;">21.2 Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát:</p> <p>a. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ix. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; x. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình; xi. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết; xii. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; xiii. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả; xiv. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; xv. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; xvi. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc; xvii. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và . 	Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020
----	-------------------------------------	---	---	--

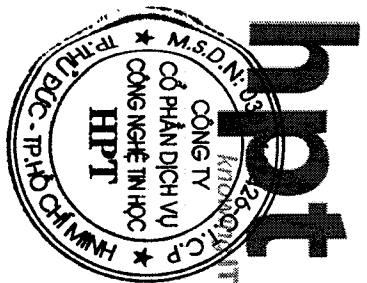
50	Điều 21 Khoản 21.3	21.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát a. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: i. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này; ii. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. b. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.	21.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát a. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: iii. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp; iv. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; v. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác; vi. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. b. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.	Điều 169 Luật DN 2020
51	Điều 24	Điều 24 Con dấu 24.1 Bảo quản con dấu Con dấu sẽ được làm và bảo quản theo Pháp luật. 24.2 Giữ con dấu Tổng Giám đốc là người duy nhất giữ con dấu và đảm bảo việc sử dụng con dấu đúng mục.	Điều 24 Con dấu 24.1 Quy định con dấu Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty (nếu có). 24.2 Giữ con dấu Tổng Giám đốc là người duy nhất giữ con dấu và đảm bảo	Điều 43 Luật Doanh nghiệp

			việc sử dụng con dấu đúng theo quy định pháp luật hiện hành.	
52	Điều 25 Khoản 25.4	<p>Điều 25.4 Tiết lộ thông tin với người mua tiềm năng</p> <p>Một khi Cổ phiếu chưa được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, Cổ đông nào muốn bán một số hoặc toàn bộ Cổ phần của mình sẽ được phép cung cấp Thông tin Mật cho những người mua Cổ phiếu tiềm năng, với điều kiện (i) trước hết người mua tiềm năng phải ký Thỏa Thuận Bảo Mật mang tính ràng buộc, theo đó cấm người nhận thông tin không được tiết lộ hoặc sử dụng Thông tin Bảo mật vì mục đích nào khác; (ii) Hội đồng Quản trị phải nhận được trước tiên một bản sao của Thỏa Thuận Bảo Mật này, cùng với ý kiến chính thức của Công ty về hiệu lực thực thi của Thỏa thuận; và (iii) người mua tiềm năng được phép nhận Thông tin Mật không phải là đối thủ cạnh tranh hoặc không được xem là có khả năng trở thành đối thủ cạnh tranh.</p>	<i>Đề nghị bỏ vì không phù hợp</i>	
53	Điều 27	<p>Điều 27. Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty</p> <p>27.1 Bất kỳ thông báo nào theo quy định của Điều lệ này phải được lập thành văn bản gửi trực tiếp đến đối tượng nhận hoặc gửi bằng thư bảo đảm, hoặc bằng dịch vụ chuyển phát nhanh, hoặc bằng fax, thư điện tử (với bản gốc gửi bằng thư bảo đảm) đến địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông.</p> <p>27.2 Bất kỳ thông báo nào sau khi chuyển đi đều được coi như có hiệu lực sau 8 (tám) ngày từ ngày đóng dấu bưu điện trong trường hợp gửi bằng thư máy bay và 2 (hai) ngày làm việc trong trường hợp gửi bằng fax, thư điện tử hoặc dịch vụ chuyển phát nhanh.</p> <p>27.3 Trong trường hợp Cổ đông đồng sở hữu, thông báo sẽ được gửi đến Cổ đông có tên đầu tiên trong Sổ Đăng ký và thông báo cho Cổ đông này được xem như là đã thông báo đầy đủ đến tất cả các đồng Cổ đông khác.</p> <p>27.4 Công ty sẽ thực thi những cố gắng hợp lý để đảm</p>	<p>Điều 27. Cung cấp thông tin và Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p> <p>27.1 Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;.</p> <p>27.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;.</p> <p>27.3 Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông</p>	Điều 49 Điều lệ mẫu Theo TT 116/2020/BTC

		<p>bảo tính chính xác của các địa chỉ ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông, và sẽ điều chỉnh địa chỉ của Cổ đông khi có thông báo bằng văn bản của Cổ đông này.</p> <p>27.5 Công ty sẽ không cố tình sử dụng bất kỳ phương tiện truyền đạt thông báo nào mà thường được xem là không đáng tin cậy hoặc có thể gây ra sự chậm trễ đáng kể.</p>	<p>mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này;</p> <p>27.4 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật;</p> <p>27.5 Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty .</p>	
54	Điều 30.	<p>Điều 30. Phân phối lợi nhuận và lập quỹ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ dự trữ bắt buộc: tối thiểu 5% cho đến khi bằng 10% vốn điều lệ của Công ty - Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: Tùy theo quyết định của Hội đồng Quản trị căn cứ vào kết quả kinh doanh và định hướng kinh doanh hàng năm - Quỹ khen thưởng và phúc lợi: tối thiểu 10% 	<i>Đề nghị bỏ vì không phù hợp</i>	
55	Điều 31.	<p>Điều 31. Trả cổ tức</p> <p>f. Cổ tức sẽ được thanh toán cho Cổ đông bằng Đồng Việt Nam. Khi được yêu cầu và trong phạm vi được Pháp luật cho phép cũng như nếu khả thi, Công ty có thể chuyển đổi cổ tức này sang tiền đôla Mỹ hoặc các loại ngoại tệ khác trước khi thanh toán cho Cổ đông. Chi phí chuyển đổi tiền tệ do Cổ đông chịu.</p>	<i>Đề nghị bỏ vì không phù hợp</i>	

56	Điều 35. Khoản 35.2	Điều 35. Chấm dứt hoạt động và thanh lý 35.2 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông <p>Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:</p> <p>a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>	<i>Đề nghị bỏ vì không phù hợp</i>	
57	Phụ lục Định nghĩa	Chưa quy định	<p>Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng</p> <p>Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;</p> <p>b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;</p> <p>c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết</p>	Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2020

			<p>định của công ty;</p> <p>d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;</p> <p>đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;</p> <p>e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;</p> <p>g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.</p>	
--	--	--	---	--



Điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT
hpt vietnam corporation

Sửa đổi lần VI
Tp.HCM, Tháng 06/2021

MỤC LỤC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT	6
CHƯƠNG I	7
ĐIỀU KHOẢN CHUNG	7
Điều 1. Phạm vi trách nhiệm.....	7
Điều 2. Thành lập Công ty	7
2.1 Thành lập Công ty	7
2.2 Tên Công ty	7
2.3 Trụ sở Công ty	7
Điều 3. Tự cách pháp nhân.....	7
3.1 Công ty cổ phần	7
3.2 Giới hạn trách nhiệm	7
Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh	8
4.1 Mục tiêu hoạt động	8
4.2 Lĩnh vực kinh doanh	8
4.3 Quyền hạn của Công ty	8
Điều 5. Thời hạn hoạt động	9
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật.....	10
CHƯƠNG II	11
VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU	11
Điều 7. Vốn điều lệ.....	11
7.1 Vốn điều lệ	11
7.2 Sử dụng vốn điều lệ	11
7.3 Tăng vốn điều lệ	11
7.4 Giảm vốn điều lệ	11
Điều 8. Cổ phần.....	11
8.1 Các loại cổ phần	11
8.2 Quyền biểu quyết của cổ phần	12
8.3 Thanh toán mua cổ phần, trái phiếu	12
8.4 Chào bán cổ phần	12
8.5 Chuyển nhượng cổ phần	13
8.6 Chuyển giao cổ phần	13
Điều 9. Cổ phiếu.....	14
Điều 10. Phát hành trái phiếu	14
Điều 11. Cổ đông	14
11.1 Số lượng cổ đông	14
11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông	14

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông.....	16
Điều 13. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần.....	17
Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	17
Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua.....	18
CHƯƠNG III	18
CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	18
Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty	18
Điều 17. Đại Hội đồng Cổ đông	18
17.1 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	19
17.2 Các đại diện được ủy quyền.....	20
17.3 Thay đổi các quyền.....	21
17.5 Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông	22
17.6 Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	22
17.7 Chương trình và nội dung họp Đại Hội đồng Cổ đông	22
17.8 Thay đổi nội dung chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông	24
17.9 Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.....	24
17.10 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng VB đề thông qua quyết định của ĐH CD	24
17.11 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 18. Hội đồng Quản trị.....	26
18.1 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	26
18.2 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	27
18.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	28
18.4 Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT.....	28
18.5 Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị xin từ chức.....	29
18.6 Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị	29
18.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị	29
18.8 Biên bản họp Hội đồng quản trị	32
18.9 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 19. Quản lý Công ty	32
19.1 Hệ thống quản lý.....	32
19.2 Tổng giám đốc và phó Tổng Giám đốc	32
19.3 Cán bộ quản lý.....	34
19.4 Kế toán trưởng.....	34
19.5 Không kiêm nhiệm	34
19.6 Thư ký công ty	34
19.7 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	34
19.8 Trách nhiệm thiệt hại và bồi thường.....	35
Điều 20. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông hoặc HĐQT chấp nhận.....	35
20.1 Giao dịch với Bên Có Liên quan.....	36
20.2 Quyền Biểu quyết của Các Bên Có Quyền lợi Thu hưởng	36
20.3 Không tuân thủ quy định.....	36
Điều 21. Ban kiểm soát.....	36
21.1 Thành viên ban kiểm soát.....	36
21.2 Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát	37
21.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	38
21.4 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	38
21.5 Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	38
Điều 22. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.....	39

Điều 23. Trách nhiệm Cá nhân và Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí	39
23.1 Miễn Trách nhiệm Cá nhân	39
23.2 Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí.....	39
Điều 24. Con dấu	39
24.1 Bảo quản con dấu.....	39
24.2 Giữ con dấu.....	39
Điều 25. Quy định về Lưu trữ và bảo mật	40
25.1 Tiết lộ thông tin Bảo mật.....	40
25.2 Định nghĩa thông tin bảo mật.....	40
25.3 Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty.....	41
25.4 Tiết lộ thông tin với người mua tiềm năng.....	Error! Bookmark not defined.
Điều 26. Lao động	41
26.1 Ký hợp đồng lao động.....	41
26.2 Các vấn đề khác về lao động.....	41
26.3 Công đoàn.....	41
Điều 27. Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty	41
CHƯƠNG IV	42
THÔNG KÊ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	42
Điều 28. Năm Tài chính	42
Điều 29. Tổng kết toán	42
29.1 Hệ thống Kế toán.....	42
29.2 Tài khoản và Chứng từ.....	42
29.3 Kiểm toán.....	43
29.4 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	44
Điều 30. Phân phối lợi nhuận và lập quỹ	44
Điều 31. Trả cổ tức	44
31.1 Công bố Việc Chi trả Cổ tức.....	44
31.2 Không Tiền lãi Đối với Cổ tức Chưa Thanh toán.....	45
31.3 Cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông chưa/không nhận.....	45
Điều 32. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	45
Điều 33. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả	45
CHƯƠNG V	46
TỜ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ	46
Điều 34. Chia tách Công ty và hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty	46
Điều 35. Chấm dứt hoạt động và thanh lý	46
35.1 Chấm dứt hoạt động.....	46
35.2 Trường hợp bê tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	Error! Bookmark not defined.
35.3 Gia hạn hoạt động.....	46
35.4 Thanh lý.....	46
CHƯƠNG VI	47

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG	47
Điều 36. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp	47
36.1 Giải quyết tranh chấp không chính thức.....	47
36.2 Các tranh chấp chưa được giải quyết.....	47
Điều 37. Hiệu lực của điều lệ.....	47
Điều 38. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	47
Điều 39. Các điều khoản khác.....	47
39.1 Các Điều khoản Không Hợp pháp, Không Hiệu lực hoặc Không có Khả năng Thực thi.....	47
39.2 Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước.....	47
39.3 Bản chất Tích lũy của Các Quyền.....	47
Điều 40. Điều khoản cuối cùng	48
PHỤ LỤC	49
ĐỊNH NGHĨA.....	49

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Căn cứ theo:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chứng khoán.
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng với Công ty đại chúng.
- Những qui định thực hiện của các văn bản pháp luật nói trên và các luật lệ và qui định hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi cổ đông trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Điều 2. Thành lập Công ty

2.1 Thành lập Công ty

- Công ty được thành lập, bản Điều lệ này thay đổi một số điều khoản so với điều lệ ban đầu khi thành lập, điều lệ này được Tất cả thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- Bất kỳ Cổ đông mới nào của Công ty sau này đều chịu sự ràng buộc vô điều kiện và không hủy ngang của các điều khoản trong Điều lệ này.

2.2 Tên Công ty

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT**
- Tên viết tắt: **HPT VIETNAM CORPORATION**

hpt
knowing IT

- Biểu tượng (logo):
- Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 127943 do Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học công nghệ cấp theo Quyết định số 13075/QH_SHTT ngày 24/06/2009, quyết định gia hạn số 58034 /QĐ- SHTT ngày 08/11/2027.

- Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam

2.3 Trụ sở Công ty

- Trụ sở Công ty đặt tại số: Lô E2a-3 Đường D1, Khu Công nghệ Cao, Phường Long Thành Mỹ, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
 - Điện thoại : 84.8.54123400
 - Fax : 84.8.54108801
 - E-mail : info@hpt.vn
 - Website : www.hpt.vn
- Địa chỉ chi nhánh:

Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Điều 3. Tư cách pháp nhân

3.1 Công ty cổ phần

Công ty được thành lập theo hình thức Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập và có trách nhiệm hữu hạn, tồn tại và hoạt động theo Pháp luật và theo Điều lệ này.

3.2 Giới hạn trách nhiệm

- Các chủ nợ của Công ty chỉ có quyền đòi nợ trên tài sản của Công ty và không có quyền đòi nợ đối với bất kỳ Cổ đông nào, trừ khi được quy định tại văn bản thỏa thuận được các Cổ đông ký.
- Trong trường hợp có bất kỳ Cổ đông nào không thanh toán đầy đủ cho số Cổ phần mà người này đã cam kết mua, các Cổ đông khác sẽ không phải cấp thêm vốn cho Công ty hoặc phải đại diện cho Công ty cấp thêm vốn dưới bất cứ hình thức nào.

- c. Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất cứ nghĩa vụ cá nhân, mất mát hoặc chi phí của bất kỳ Cổ đông nào, nếu các nghĩa vụ cá nhân, mất mát hoặc chi phí này xảy ra trước khi có sự tồn tại của Công ty.

Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh

4.1 Mục tiêu hoạt động

Cung cấp và phát triển các sản phẩm, dịch vụ trong các lĩnh vực Công nghệ Thông tin, điện tử viễn thông, các lĩnh vực ứng dụng công nghệ cao, tư vấn và đào tạo nguồn nhân lực... nhằm phát huy tối đa năng lực lao động và sáng tạo của con người vì mục đích tìm kiếm các giá trị cao và hiệu quả kinh tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các thành viên của HPT, cho các cổ đông của công ty và đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

4.2 Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính, chi tiết: Thị công lắp đặt và chuyển giao công nghệ hệ thống mạng máy tính. Cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (OSP), dịch vụ lưu trữ và cung cấp thông tin

Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật, chi tiết: Dịch vụ phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ và khoa học kỹ thuật vào cuộc sống

Tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản

Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận, chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Xuất bản phần mềm, chi tiết: Cung cấp các phần mềm ứng dụng. Sản xuất phần mềm. Dịch vụ phần mềm

Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính, chi tiết: Tư vấn, thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp phần cứng – phần mềm với các công nghệ truyền thông). Tích hợp mạng cục bộ (LAN)

Hoạt động viễn thông khác, chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông: Dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ trao đổi điện tử (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet, kinh doanh trò chơi điện tử tại trụ sở)

Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi, chi tiết: Dịch vụ sửa chữa các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông, chi tiết: Mua bán các thiết bị máy tính, máy vi tính, thiết bị văn phòng. Mua bán phần mềm máy tính, các thiết bị và linh kiện điện tử, điện thoại, thiết bị viễn thông, thiết bị điều khiển, thiết bị phục vụ thiết kế, vật tư ngành in và phụ tùng, thiết bị nghiên cứu khoa học, thí nghiệm

Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, chi tiết: Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị văn phòng

Giáo dục khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Đào tạo và chuyển giao công nghệ. Đào tạo dạy nghề

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Cho thuê nhà, kho (trừ kinh doanh cho thuê phòng trọ). Kinh doanh nhà. Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ định giá, sàn giao dịch bất động sản)

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới vận tải

Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế, chi tiết: Dịch vụ kế toán. Dịch vụ tư vấn về thuế, tư vấn tài chính (trừ kinh doanh dịch vụ kiểm toán), tư vấn đầu tư, tư vấn về quản lý kinh doanh

Đại lý, môi giới, đầu tư, chi tiết: Đại lý mua bán và ký gửi hàng hóa

4.3 Quyền hạn của Công ty

Công ty có quyền tiến hành những hoạt động mang lại lợi ích cho Công ty hoặc cho việc kinh doanh mà Công ty được phép thực hiện theo quy định của Pháp luật, bao gồm những điều sau:

- a. Tuyển dụng, trả lương, kỷ luật, thưởng và sa thải giám đốc, cán bộ quản lý và nhân viên;
- b. Thuê, chỉ định, ký kết, hoặc ủy quyền cho bất kỳ nhà phân phối, đại lý hoặc nhà thầu nào nếu thấy cần thiết cho công việc kinh doanh của mình;
- c. Tham gia ký kết và thực hiện bất kỳ các hợp đồng hoặc cam kết nào;
- d. Thuê hoặc sở hữu hợp pháp nhà cửa và quyền sử dụng đất, thiết bị, và tất cả các loại tài sản khác;
- e. Cho thuê hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thiết bị, và tất cả các loại tài sản khác khi các tài sản này không còn cần thiết cho hoạt động của Công ty;
- f. Thuê hoặc sử dụng tất cả các hình thức dịch vụ cần thiết hoặc hữu ích;
- g. Duy trì các quan hệ ngân hàng với tất cả các loại hình tổ chức tài chính ở mọi nơi, bao gồm việc vay mượn hoặc tham gia các cam kết tài chính với bất kỳ một tổ chức tài chính nào, bằng bất kỳ một loại tiền tệ gì, tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài;
- h. Vay hoặc cho vay, bảo lãnh, bồi hoàn, ủy nhiệm và thế chấp, cầm cố, tạo quyền lợi đảm bảo, hoặc tạo các biện pháp bảo đảm khác trên bất kỳ tài sản nào của mình để đảm bảo cho các khoản vay hoặc các cam kết khác có liên quan đến nghĩa vụ của mình hoặc của bên thứ ba;
- i. Tiến hành các vụ kiện hoặc bảo vệ quyền lợi của mình trong các vụ kiện;
- j. Thực hiện việc phân phối lợi nhuận và xử lý các khoản lợi nhuận hoặc thua lỗ, các tài sản và nợ và các khoản thu từ việc chuyển nhượng các tài sản mà Công ty có toàn quyền quyết định;
- k. Tài đầu tư các khoản lợi nhuận vì lợi ích hoạt động của Công ty;
- l. Mua bảo hiểm cho Công ty;
- m. Sử dụng các luật sư, kế toán viên, nhà tư vấn, đại lý, cố vấn, kiến trúc sư, kỹ sư, và nhà thầu để hỗ trợ Công ty;
- n. Tham gia vào các giao dịch và hoạt động liên quan đến quản lý ngoại hối;
- o. Tiến hành việc giải thể và thanh lý tài sản của Công ty khi chấm dứt hoặc kết thúc thời gian hoạt động của Công ty;
- p. Mua, thuê, cho thuê, bán, chuyển nhượng và/hoặc sửa chữa, trong và ngoài nước Việt Nam, bằng bất kỳ loại tiền tệ nào, tất cả các máy móc thiết bị, phần mềm, ấn bản, ấn phẩm và bất kỳ tài liệu nào khác, vật dụng hoặc các thứ khác cần thiết cho việc kinh doanh của Công ty;
- q. Đăng ký và thi hành các quyền sở hữu trí tuệ;
- r. Quảng cáo và chuyển mãi các sản phẩm của Công ty;
- s. Yêu cầu thanh toán và thanh toán hàng hóa và dịch vụ bằng đôla Mỹ, các ngoại tệ khác hoặc bằng tiền Đồng mà Hội đồng Quản trị có thể quyết định theo quy định của Pháp luật;
- t. Thay đổi phạm vi và nội dung hoạt động của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào khi Đại Hội đồng Cổ đông thấy cần thiết, với điều kiện phải có Sự Chấp thuận của Nhà Nước nếu Pháp luật quy định;
- u. Sử dụng các phương thức cấp vốn hợp pháp để thực hiện việc kinh doanh;
- v. Thành lập Công ty liên doanh với các thực thể Việt Nam hoặc nước ngoài và đầu tư vốn vào các Công ty Việt Nam hoặc nước ngoài khác;
- w. Thực hiện hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu;
- x. Chủ động tiến hành và quản lý hoạt động kinh doanh và áp dụng bất kỳ phương thức quản lý cần thiết nào để thực hiện các hoạt động này;
- y. Tự chối và tố cáo mọi đề nghị cung cấp vốn bằng tiền mặt hoặc hiện vật của bất kỳ Người nào mà Pháp luật không cho phép; và

Điều 5. Thời hạn hoạt động

Thời hạn hoạt động của công ty là 100 năm và có thể được gia hạn theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, trừ khi được chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 35 của Điều lệ này

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ ĐÔNG - CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

7.1 Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty hiện tại là: 82.726.050.000 VND (Tám mươi hai tỷ bảy trăm hai mươi mười triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).
- Số vốn này được chia thành 8.272.605 (Tám triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ năm) cổ phần.
- Các cổ phần của công ty tại ngày thông qua Điều lệ này bao gồm 8.272.605 (Tám triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ năm) cổ phần phổ thông
- Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND (Mười ngàn đồng).
- Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Việc tăng vốn điều lệ sẽ được thể hiện trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty tại thời điểm tiến hành tăng vốn.

7.2 Sử dụng vốn điều lệ

Vốn Điều lệ sẽ được sử dụng vì mục đích kinh doanh của Công ty và vì các mục đích khác được phê duyệt bởi Đại Hội đồng Cổ đông, hoặc trong trường hợp thích hợp, sẽ có thể được phê chuẩn bởi Hội đồng Quản trị của Công ty theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này.

7.3 Tăng vốn điều lệ

- Để tăng vốn điều lệ Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán hoặc chi trả cổ tức bằng cổ phần. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:
 - Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;
 - Chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - Chào bán cổ phần ra công chúng.
- Trừ khi có quyết định khác bằng biểu quyết đại đa số chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông, nếu Công ty đề nghị phát hành thêm Cổ phần hoặc các loại chứng khoán khác, hoặc trả lại phiếu thì Công ty sẽ gửi văn bản thông báo đến mỗi Cổ đông trong đó nêu rõ loại Cổ phần phát hành thêm, giá bán và các điều khoản chung của việc phát hành mà Công ty đề xuất thực hiện.
- Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty đại chúng và tổ chức khác thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7.4 Giảm vốn điều lệ

Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ số hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ 02 năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
- Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 8. Cổ phần

8.1 Các loại cổ phần

- Hiện công ty có 8.272.605 (Tám triệu hai trăm bảy mươi hai ngàn sáu trăm lẻ năm) cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.

- b. Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND (Mười ngàn đồng).
- c. Số cổ phần này được tự động điều chỉnh khi phát hành cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các qui định của pháp luật.

8.2 Quyền biểu quyết của cổ phần

Mỗi Cổ phần phổ thông cho phép Cổ đông nắm giữ có một lá phiếu biểu quyết tại các Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông.

8.3 Thanh toán mua cổ phần, trái phiếu

- a. Các Cổ phần do Công ty bán cho Cổ đông phải được thanh toán tiền đầy đủ một lần trong thời gian không quá 20 ngày kể từ ngày chốt danh sách cổ đông trừ khi Pháp luật quy định khác.
- b. Bất kỳ Người nào mua Cổ phần nhưng không thanh toán cho số Cổ phần này theo quy định của Điều lệ sẽ không trở thành Cổ đông và không được ghi nhận như là Cổ đông trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, cũng như không được cấp Cổ phiếu.
- c. Việc thanh toán mua Cổ phần có thể được thực hiện bằng tiền đồng, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng hoặc nếu được Hội đồng Quản trị phê duyệt thì có thể thực hiện bằng hiện vật.
- i. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng ngoại tệ thì số tiền thanh toán sẽ được chuyển đổi thành tiền Đồng Việt Nam với tỷ giá mua vào áp dụng cho ngoại tệ đó do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày thanh toán.
- ii. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng vàng thì số vàng này sẽ được chuyển đổi thành tiền Đồng Việt Nam với mức giá mua vào bằng tiền đồng áp dụng cho vàng có cùng chất lượng và mức giá này sẽ do một tổ chức kinh doanh vàng có uy tín công bố vào ngày thanh toán.
- iii. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng hiện vật tại thời điểm thành lập Công ty thì tài sản sử dụng để thanh toán phải được định giá một cách trung thực, hợp lý và có cơ sở cũng như phải được xác định với sự nhất trí của tất cả các Cổ đông Sáng lập. Nếu các Cổ đông Sáng lập không thể thống nhất về giá trị tài sản nêu trên thì các Cổ đông Sáng lập có thể chỉ định một Công ty Kiểm toán có uy tín để thực hiện việc định giá.
- iv. Nếu việc thanh toán mua Cổ phần được thực hiện bằng hiện vật sau khi Hội đồng Quản trị được thành lập thì tài sản sử dụng để thanh toán sẽ được định giá bởi Hội đồng Quản trị một cách trung thực. Để thực hiện nhiệm vụ này, Hội đồng Quản trị có thể chỉ định một Công ty kiểm toán có uy tín tiến hành việc định giá tài sản.
- d. Trong trường hợp Pháp luật yêu cầu, việc thanh toán mua cổ phần có thể được chứng nhận bằng biên bản trong đó ghi rõ:
- Tên và địa chỉ của Cổ đông thực hiện việc thanh toán;
- Tên và địa chỉ của Công ty;
- Mô tả tài sản và giá trị của tài sản được dùng để thanh toán; và
- Địa điểm và thời điểm giao tài sản.
- Các Cổ đông sẽ thi hành tất cả các văn bản hoặc chứng thư và tiến hành các thủ tục cần thiết, bao gồm việc đăng ký, chứng nhận, công chứng để hợp thực hóa việc chuyển nhượng hợp pháp cho Công ty tất cả những tài sản được dùng để thanh toán mua Cổ phần.
- e. Ngay sau khi tài sản được góp vào Công ty để thanh toán mua Cổ phần, tài sản đó sẽ trở thành tài sản của Công ty và không có Cổ đông nào có thể đòi hỏi quyền lợi đối với tài sản này hoặc có quyền đòi, không thừa nhận hoặc tranh chấp với Công ty về quyền sở hữu của Công ty đối với tài sản này.

8.4 Chào bán cổ phần

- a. Cổ phần đã được bán khi cổ đông được ghi đúng và đủ những thông tin theo qui định tại Điều 12 Bản Điều lệ này vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty;

- b. Sau khi thanh toán đủ cổ phần đăng ký mua, Công ty cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay cho Công ty và có quyền yêu cầu Công ty cấp lại cổ phiếu và phải trả phí do Công ty quy định.
- c. Công ty có thể bán cổ phần mà không có cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông qui định tại Điều 12 Bản điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong cổ phần Công ty.
- d. Công ty chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức phát hành chứng khoán ra công chúng theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần, trái phiếu theo hình thức khác do Công ty quyết định và được thực hiện theo thoả thuận giữa Công ty và người mua.
- e. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán..
- f. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8.5 Chuyển nhượng cổ phần

- a. Cổ phần có thể được chuyển nhượng cho bất kỳ Người nào theo đúng Quy định của Hội đồng Quản trị ban hành phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quy định Pháp luật có liên quan về việc chuyển nhượng Cổ phần. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
- b. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhân cổ tức, quyền nhân cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
- c. Việc chuyển nhượng cổ phần được mua ưu đãi thuộc sở hữu của Người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.
- d. Việc chuyển nhượng cổ phần thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường theo quy định của Công ty hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định pháp luật về chứng khoán

8.6 Chuyển giao cổ phần

- a. Trong trường hợp một Cổ đông qua đời, thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ công của Công ty. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

- b. Một người có các quyền thừa hưởng đối với một Cổ phần vì lý do một Cổ đông qua đời sẽ trở thành Cổ đông của Công ty với điều kiện người đó cung cấp được các bằng chứng đáp ứng với yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
- c. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty..
- d. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại Khoản 2 Điều 122 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông

Điều 9. Cổ phiếu

- 9.1** Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu.
- 9.2** Tùy thuộc vào Điều 9.4 dưới đây, mỗi Cổ đông sẽ được nhận Cổ phiếu cho số Cổ phần mà Cổ đông này nắm giữ, mà không phải trả bất kỳ một khoản phí nào. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty thay thế nhiều Cổ phiếu đại diện cho các Cổ phần nắm giữ bằng một Cổ phiếu chung.
- 9.3** Hình thức của Cổ phiếu phát hành do Hội đồng Quản trị quyết định. Cổ phiếu phải bao gồm các thông tin dưới đây, trong phạm vi được Pháp luật quy định:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp và Trụ sở của Công ty;
 - b. Loại Cổ phần, mệnh giá Cổ phần, số lượng và tổng mệnh giá của số Cổ phần ghi trên Cổ phiếu;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân, tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - d. Chữ ký mẫu của Người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty; và
 - e. Số đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ đông của Công ty và ngày phát hành Cổ phiếu.
 - f. Nội dung khác với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi
- 9.4** Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Cổ đông có thể được yêu cầu phải thanh toán các khoản chi phí này, như là điều kiện để phát hành Cổ phiếu mới, dù rằng các chi phí này có thể đã phát sinh thực tế hoặc chưa phát sinh. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây.
 - Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại hình thức khác
 - Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới

Điều 10. Chứng chỉ chứng khoán khác

- 10.1** Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty, trình tự và thủ tục phát hành thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán và các quy định pháp luật hiện hành.
- 10.2** Người chủ sở hữu trái phiếu không phải là Cổ đông và không có các quyền của Cổ đông. Quyền của chủ sở hữu trái phiếu đối với Công ty được quy định riêng trong các điều khoản và điều kiện của trái phiếu. Trái phiếu của công ty có phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần

Điều 11. Cổ đông

11.1 Số lượng cổ đông

Công ty phải đảm bảo có số Cổ đông tối thiểu theo quy định của Pháp luật.

11.2 Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

a. Cổ đông có các quyền sau:

- i. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - ii. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iii. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - iv. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
 - v. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - vi. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - vii. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - viii. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
 - ix. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông ;
 - x. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật ;
 - xi. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp ;
 - xii. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này ;
- b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau có các quyền sau:
- i. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác]. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - ii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cá nhân cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - iii. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - iv. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác; trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

v. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [10%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- i. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- ii. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được đề cử đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử

d. Nghĩa vụ của cổ đông:

- i. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- ii. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
- iii. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trả với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- iv. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- v. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương thức khác theo quy định công ty.
- vi. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
- vii. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

12.1 Công ty sẽ lập và lưu giữ Sổ Đăng ký Cổ đông như là một tài liệu pháp lý về quyền sở hữu Cổ phần của mỗi Cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ Đăng ký Cổ đông phải có các nội dung sau:

a. Tên và Trụ sở của Công ty;

- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; và
- e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần

f. Các chi tiết khác do Pháp luật và Hội đồng Quản trị Công ty quy định vào từng thời điểm.

12.2 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

12.3 Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho Cổ đông theo địa chỉ mới nhất lưu trong Sổ Đăng ký Cổ đông.

Điều 13. Các trường hợp cổ đông yêu cầu Công ty mua lại cổ phần

13.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.

13.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản trên với giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc do HĐQT quy định trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- 14.1** Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong thời hạn mười hai tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- 14.2** Hội đồng Quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp qui định tại Điều 14.3 bản Điều lệ này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường
- 14.3** Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức; địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên

Điều 15. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua

- 15.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 13, 14 của bản Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.
- 15.2 Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 13, 14 của bản Điều lệ này được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
- 15.3 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10%, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.
- 15.4 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý và Kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty gồm có:

- Đại Hội đồng Cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Tổng Giám đốc
- Ban kiểm soát

Điều 17. Đại Hội đồng Cổ đông

17.1 Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

17.2 Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo cáo tài toàn bảo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

17.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

17.4 Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Khoản 0b Điều 17.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 0c và 0d Điều 17.3.
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản a Điều 17.4 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 17.3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

17.5 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác];
- đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

17.6 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
- đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

- e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông
- 17.7 Các đại diện được ủy quyền**
- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
 - b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 - c. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 - d. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
 - iii. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

17.8 Thay đổi các quyền

- a. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản
- b. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
- c. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.
- d. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều lệ này

17.9 Thẩm quyền triệu tập, chương trình họp và thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông.

- a. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 17.4 Điều 17 Điều lệ này.
- b. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - i) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tới thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - ii) Chuẩn bị chương trình, tài liệu, nội dung đại hội;
 - iii) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - iv) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - v) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - vi) Các công việc khác phục vụ đại hội;
- c. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông bằng văn bản kèm thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- i) Chương trình hợp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - iii) Phiếu biểu quyết;
 - iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình hợp;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm b Điều 11.2 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất [03 ngày] làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- e. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản c Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm c Điều này;
 - ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5%] cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Điều lệ này;
 - iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- f. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm d Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm e Điều này, kiến nghị được chỉnh thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- g. Việc ngẫu nhiên không gửi được thông báo triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông đến bất kỳ người nào có quyền nhận thông báo này hoặc việc bất kỳ ai trong số những người này không nhận được thông báo sẽ không làm vô hiệu các tiến trình của Đại Hội đồng Cổ đông đó.
- h. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán hiện hành

17.10 Điều kiện tiến hành họp Đại Hội đồng Cổ đông

- a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết.
- b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp..

17.11 Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- a. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ứng hộ, nghị quyết được thu trước, số thẻ phân đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đem tổng số phiếu tán thành hay phân đối để quyết định. Tổng số phiếu ứng hộ, phân đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- c. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- e. Trường hợp quy định tại điểm d Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- f. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- g. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp
- h. Chủ tọa Đại hội cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c)) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết. Thời gian hoãn tới đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc là ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.
- i. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
- j. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
- k. Chủ tọa có thể yêu cầu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định và kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
- l. Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - i. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - ii. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - iii. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- m. Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- n. Trong trường hợp tại Đại hội cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - i. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");
 - ii. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều Khoản này.

n. Trong Điều lệ này, Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác i tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử, hình thức điện tử khác. Cụ thể theo quy chế tổ chức họp trực tuyến được ban hành ban hành trong từng thời kỳ phù hợp với điều kiện Kỹ thuật, công nghệ Công ty đang áp dụng và quy định pháp luật..
- o. Người triệu tập họp Đại hội cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể bỏ trí, tổ chức để người cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo quy định hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.

17.12 Thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông

- a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ [65%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - i. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - ii. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iii. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - iv. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - iv. Tổ chức lại, giải thể Công ty
 - b. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- #### **17.13 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp;
- b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất [10 ngày] trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông;
- c. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - ii. Mục đích lấy ý kiến;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - vi. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
- Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là đều không hợp lệ; Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết
- e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - iii. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - iv. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - v. Các quyết định đã được thông qua, và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - vi. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.
- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, liên đới chịu trách nhiệm về các thiết hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- f. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;
- g. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- h. Trường hợp hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- i. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định

17.14 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm c Điều 17.12 Điều lệ này;
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Điều 18. Hội đồng Quản trị

18.1 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- a. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
- b. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
- c. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - i. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - ii. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - iii. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - iv. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - v. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - vi. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - vii. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - viii. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - ix. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó
 - x. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; ;
 - xi. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - xii. Quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Công ty ở doanh nghiệp khác, phê duyệt điều lệ bổ sung sửa đổi điều lệ của các công ty con, thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty con;
 - xiii. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - xiv. Công ty mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần đã phát hành;
 - xv. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - xvi. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - xvii. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- xviii. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh ;
- xix. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty ;
- xx. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- xxi. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty .
- d. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- e. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
- f. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
- g. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- h. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- i. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- j. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty

18.2 Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tính đến năm 2020 là 7 người và số lượng thay đổi tùy theo tình hình thực tế của công ty tại từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc
- b. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền góp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tới thiểu số (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu

làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- i. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- ii. Trình độ chuyên môn;
- iii. Quá trình công tác;
- iv. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- v. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- vii. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- viii Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- e. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- f. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp là theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

18.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Tiêu chuẩn điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định Luật chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.

18.4 Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;;
- c. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- d. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
- e. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

- f. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- g. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

18.5 Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị xin từ chức

- a. Thành viên đó phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên HĐQT phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
- b. Việc bổ nhiệm thành viên mới thay thế thực hiện như qui định tại Điều 18.3

18.6 Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty.
- b. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - i. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - ii. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - iii. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iv. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - v. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - vi. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và [Điều lệ công ty].
- c. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì nguyên lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
- d. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

18.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị

- a. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- b. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp những người dưới đây có đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị :
 - i. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- ii. Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- iii. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị ;
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- e. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
- f. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất ba ngày trước. Khi tổ chức họp, Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết và những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

f. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

g. Số thành viên tham dự tối thiểu: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lại theo quy định tại thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

h. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- i. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- ii. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

i. Biểu quyết:

- i. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- ii. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

iii. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi

lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

j. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

k. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, là phiếu của Chủ tịch sẽ là là phiếu quyết định.

l. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

i. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

ii. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này dẫn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

m. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

i. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

ii. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

n. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

o. Các tiêu bản của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu bản thực thuộc để phụ trách và chỉnh sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu bản do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiêu bản và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu bản theo quyết định của Hội đồng quản trị.] Hoạt động của tiêu bản phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu bản chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu bản.

p. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban thực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ và quản trị công ty.

18.8 Biên bản họp Hội đồng quản trị

- a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các quyết định đã được thông qua;
 - ix. Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.
- Chủ tọa và thư ký và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- b. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- c. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

18.9 Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
- b. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 19. Quản lý Công ty

19.1 Hệ thống quản lý

Công ty sẽ áp dụng hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và do Hội đồng Quản trị lãnh đạo. Công ty sẽ có 1 (một) Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc, 1 (một) Kế Toán trưởng, các thành viên khác trong Ban Điều hành và một số cán bộ quản lý, tất cả đều phải có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp.

19.2 Tổng giám đốc và phó Tổng Giám đốc

- a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm và Tổng Giám đốc có thể được tái bổ nhiệm theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Tiền lương, phúc lợi, các quyền lợi khác, cũng như các điều khoản và điều kiện tuyển dụng khác do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
- b. Tổng Giám Đốc sẽ là đại diện về mặt pháp lý của Công ty đối với các vấn đề có liên quan đến hoạt động và quản lý Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc đại diện Công ty trước tòa án và các Cơ quan Nhà Nước cũng như thay mặt Công ty thực hiện các hợp đồng với bên thứ ba. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc bao gồm việc thực thi các nghị quyết của Đại

Hội đồng Cổ đông và các quyết định của Hội đồng Quản trị; tổ chức và điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty phù hợp với các cơ cấu và thông lệ quản lý hiện đại. Tất cả các nghĩa vụ này phải được thực hiện một cách trung thực và vì lợi ích của Công ty.

- c. Phó Tổng Giám đốc sẽ báo cáo cho Tổng Giám Đốc, phối hợp và hỗ trợ Tổng Giám Đốc.
- d. Hội đồng Quản trị sẽ xác định trách nhiệm tương ứng của Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc và giao cho họ một số quyền hạn và thẩm quyền mà Hội đồng Quản trị thấy cần thiết để Tổng Giám Đốc và các Phó Tổng Giám Đốc có thể thực hiện các nghĩa vụ điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- e. Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - i. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - ii. Điều hành, quản lý và tổ chức việc thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng quy định;
 - iii. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - iv. Đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước và trước những Người khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;
 - v. Ký và thực hiện tất cả các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác, trừ các văn bản phải được Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định trong Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông;
 - vi. Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - vii. Tuyển dụng lao động, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc điều động, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc. Quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;
 - viii. Giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị;
 - ix. Thay mặt Công ty thanh toán và nhận các khoản tiền mặt, viết và nhận séc, nói chung, quản lý các tài khoản của Công ty, cũng như giải quyết tất cả các vấn đề về tài chính, thuế, và ngoại hối của Công ty trong giới hạn cho phép được xác định bởi nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị; và
 - x. thực thi các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và quy định pháp luật hiện hành.
- f. Tổng Giám đốc có thể từ chức nhưng phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
- g. Tổng Giám đốc có thể bị sa thải và thay thế bất kỳ lúc nào bởi Hội đồng Quản trị, nhưng điều này không ảnh hưởng đến yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại liên quan đến việc vi phạm bất kỳ hợp đồng nào ký kết giữa Tổng Giám đốc và Công ty.
- h. Tổng Giám đốc sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc có quyền quyết định sau cùng trong việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.
- i. Do tầm quan trọng của việc trao đổi thông tin chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Công ty, Tổng Giám đốc sẽ tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị với vai trò quan sát viên, nhưng không được bỏ phiếu trừ khi Tổng Giám Đốc cũng đồng thời là Thành viên Hội đồng Quản trị.

j. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc sẽ cung cấp đúng lúc và đầy đủ thông tin cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu.

19.3 Cán bộ quản lý

a. Theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phụ hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự miễn cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

b. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành.

19.4 Kế toán trưởng

Dưới sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng sẽ chịu trách nhiệm về quản lý tài chính của Công ty. Một trong số các nghĩa vụ của Kế Toán trưởng bao gồm việc tổ chức soạn thảo các báo cáo tài chính. Kế Toán trưởng sẽ báo cáo cho Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị, và trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các chỉ thị của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị sẽ được áp dụng. Kế Toán trưởng sẽ cung cấp thông tin đúng lúc và đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi được yêu cầu.

19.5 Người phụ trách quản trị công ty

a. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

b. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức Kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

c. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- i. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- ii. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; d) Tham dự các cuộc họp;
- iii. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- iv. Tham dự các cuộc họp;
- v. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- vi. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- vii. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- viii. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- ix. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- x. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và [Điều lệ công ty].

19.7 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

b. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc

- c. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tin dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- d. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiêu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những điều khoản của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

- i. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiêu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- ii. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
- iii. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiêu ban thực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

19.8 Trách nhiệm thiệt hại và bồi thường

- a. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- b. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 20. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông thông hoặc HĐQT chấp nhận

20.1 Giao dịch với Bên Có Liên quan

- a. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - i. Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
 - ii. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - iii. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
- b. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- c. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác từ trường hợp quy định tại điểm b khoản 20.1 Điều này và trường hợp Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 5-1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- d. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

20.2 Quyền Biểu quyết của Các Bên Có Quyền Lợi Thụ hưởng

Bất kỳ Người nào tham gia, hoặc có quan hệ với hoặc một cách nào đó có lợi ích thụ hưởng từ bất kỳ Người nào tham gia Giao dịch Với Bên Có Liên quan với Công ty, sẽ không có quyền biểu quyết đối với các vấn đề liên quan đến Giao dịch Với Bên Có Liên quan này tại Đại Hội đồng Cổ đông hoặc trong cuộc họp Hội đồng Quản trị.

20.3 Không tuân thủ quy định

Bất kỳ Người nào không tuân thủ các quy định của Điều 20 sẽ phải bồi thường cho Công ty về những tổn thất, trách nhiệm, nghĩa vụ, phí tổn và chi phí gây ra cho Công ty, và trong mức độ tối đa được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ có quyền lợi đối với bất kỳ lợi ích nào mà Người đó nhận được từ Giao dịch Với Bên Có Liên quan tương ứng.

Điều 21. Ban Kiểm soát

21.1 Thành viên ban kiểm soát

- a. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - i. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - ii. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

- iii. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
- b. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát.
- c. Việc bầu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp là theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
- d. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bỏ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- e. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - i. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát, không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này;
 - ii. Thành viên đó có thể từ chức nhưng phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên Ban kiểm soát phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
 - iii. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - iv. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - v. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

21.2 Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát:

- a. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - i. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bất miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - ii. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình ;
 - iii. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - iv. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - v. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- vi. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ;
- vii. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- viii. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc ;
- ix. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và .
- b. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
- c. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thực hiện hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là [hai] người.
- d. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ được thanh toán kể cả các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

21.3 Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

- a. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - i. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - ii. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - iii. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác ;
 - iv. Không phải là người quản lý công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- b. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

21.4 Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- b. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
- d. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

21.5 Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định thì thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- a. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
- b. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt qua tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- c. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật và thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 22. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm do Pháp luật hoặc Điều lệ này quy định, mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành và thành viên Ban Kiểm soát phải:

- 22.1** Thực thi tất cả các quyền hạn và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, với sự cẩn mẫn và cẩn trọng đúng mức và vì quyền lợi tốt nhất của Công ty;
- 22.2** Không lạm dụng cương vị và quyền hạn, không sử dụng tiền bạc và tài sản của Công ty sai mục đích vì lợi ích của bản thân hoặc của người khác;
- 22.3** Nếu Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ nợ khác, họ phải:

- a) Thông báo tất cả các chủ nợ về tình hình tài chính của Công ty trong chừng mực cần thiết hoặc theo yêu cầu của Pháp luật;
- b) Không được tăng lương hoặc trả các khoản tiền thưởng nào cho các thành viên Ban Điều hành hoặc bất kỳ nhân viên nào của Công ty;
- c) Kiến nghị các biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty; và
- d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và của Điều lệ này.

Điều 23. Trách nhiệm Cá nhân và Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí

23.1 Miễn Trách nhiệm Cá nhân

Không một Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc thành viên Ban Điều hành nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào được thực hiện nhân danh Công ty, vì lợi ích của công ty, phù hợp với phạm vi quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với phạm vi quyền hạn được ủy nhiệm cho họ theo Điều lệ này hoặc phù hợp với các quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị và được Pháp luật cho phép.

23.2 Trách nhiệm Thanh toán các Chi phí

Mỗi Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, hoặc thành viên Ban Điều hành, khi đã hành động một cách trung thực, sẽ được Công ty đền bù bằng tài sản của Công ty mọi chi phí phát sinh bởi thành viên này trong quá trình bảo chữa ở các vụ kiện, dân sự hoặc hình sự, khi phân xét của tòa án trong các vụ kiện này được xem là thuận lợi cho thành viên đó, hoặc khi thành viên đó được tuyên bố trắng án, hoặc thành viên đó được tòa xóa các tội danh liên quan đến sự bất cẩn, không trả được nợ, vi phạm nghĩa vụ, hoặc vi phạm lòng tin gắn liền với hoạt động của Công ty.

Điều 24. Con dấu

24.1 Quy định con dấu

Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khác dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

24.2 Giữ con dấu

Tổng Giám đốc là người duy nhất giữ con dấu và đảm bảo việc sử dụng con dấu đúng theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 25. Quy định về lưu trữ và bảo mật

25.1 Tiết lộ thông tin Bảo mật

Nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Hội đồng Quản trị, không một ai trong số các Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, các Cổ đông hoặc bất kỳ Người nào khác có liên quan được phép tiết lộ các Thông tin Mật của Công ty, ngoại trừ:

- a. Với các Công ty con của Công ty (nếu có); hoặc
- b. Với các Cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông; hoặc
- c. Với các cấp quản lý và các nhân viên của Công ty hoặc với các Kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình một cách hợp lý và khi các nghĩa vụ này có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng đối với mỗi trường hợp như vậy đều phải có điều khoản yêu cầu người nhận những Thông tin Mật phải bảo mật các thông tin đó và không được tiết lộ chúng với bất kỳ Người nào khác; hoặc
- d. Khi được yêu cầu phải cung cấp cho các Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền được Pháp luật cho phép yêu cầu tiết lộ những thông tin này hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của trọng tài hoặc của tòa án trong các vụ kiện, nhưng chỉ trong phạm vi được yêu cầu; hoặc
- e. Những thông tin được phổ biến rộng rãi ra công chúng nhưng không do vi phạm các quy định của Điều khoản này, hoặc những thông tin thường sẽ được công chúng biết đến trong tiến trình kinh doanh, ví dụ như vi mục đích bán hàng và marketing; hoặc
- f. Các thông tin được cung cấp cho cổ đông và/hoặc các thành viên Hội đồng Quản trị của bất kỳ Cổ Đông nào, cũng như các nhà tư vấn chuyên nghiệp hoặc các nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông với điều kiện là những người được cung cấp thông tin phải cam kết bằng văn bản sẽ tuân thủ các nghĩa vụ được quy định tại Điều này.

25.2 Định nghĩa thông tin bảo mật

Theo mục đích của Điều khoản này, Thông tin Mật nghĩa là tất cả và bất kỳ mọi thông tin, tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, tập tin điện tử, các hồ sơ văn bản, dữ liệu, thư điện tử, và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào không được công bố rộng rãi ra công chúng mà Công ty, Hội đồng Quản trị, Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và/hoặc các thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Điều hành, nhân viên Công ty, các đại lý, hoặc các nhà thầu, có được, nhận được, phát triển, hoặc bằng cách nào đó, sở hữu trong tiến trình hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty, và những thông tin, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu và những tài liệu khác dưới bất kỳ hình thức nào nhận được từ bên thứ ba mà Công ty có nghĩa vụ bảo mật, bao gồm:

- a. Điều lệ, Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Kinh Doanh, Sổ Đăng Ký Cổ đông và Sổ Biên bản, và bất kỳ một Văn bản Chấp Thuận nào của Nhà Nước cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty, bao gồm giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ (nếu có), hoặc giấy chứng nhận đăng ký chất lượng hàng hóa (nếu có);
- b. Các tài liệu và giấy tờ chứng minh quyền sở hữu các tài sản của Công ty;
- c. Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp, và các thông tin khác liên quan đến các giao dịch quan trọng của Công ty căn cứ theo sự xác định của Hội đồng Quản trị vào từng thời điểm;
- d. Báo cáo của Ban Kiểm soát, các cơ quan thanh tra (nếu có), hoặc của các kiểm toán viên;
- e. Sổ sách kế toán, các Báo cáo Tài chính ThƯỜNG NIÊN, và các tài liệu kế toán khác;
- f. Thông tin về (các) Cổ đông, bất kỳ thỏa thuận nào của các Cổ đông, hoặc quan hệ sở hữu cổ phần qua lại, hoặc các bảo đảm qua lại mà (các) Cổ đông tham gia; và bất kỳ giao dịch nào giữa Công ty và các Cổ đông;
- g. Thông tin về các Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Điều hành và thành viên Ban Kiểm soát bao gồm năng lực, kinh nghiệm, và mức thù lao;
- h. Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty; và
- i. Thông tin về những rủi ro đáng kể có thể được dự báo trước một cách hợp lý có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty; rủi ro lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản

nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến các chứng khoán dẫn xuất (derivatives) và giao dịch ngoại bảng tổng kết tài sản; và rủi ro liên quan đến các trách nhiệm về môi trường. Trong phạm vi của đoạn này, rủi ro mà Công ty không biết hoặc không thể dự báo được một cách hợp lý sẽ không được xem là những rủi ro quan trọng có thể được dự báo trước một cách hợp lý.

25.3 Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty

a. Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu sau đây:

Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; Quy chế quản lý nội bộ công ty; Sổ đăng ký cổ đông

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh; giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm;

Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty

Biên bản họp Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; các quyết định đã được thông qua;

Bản cáo bạch đề phát hành chứng khoán;

Các báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Kiểm soát; Kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức Kiểm toán độc lập;

Sổ kế toán chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

Các tài liệu khác theo quy định của Pháp luật.

b. Công ty phải lưu giữ các loại tài liệu trên ở trụ sở chính hoặc một nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu trữ được thực hiện theo qui định của pháp luật.

Điều 26. Lao động

26.1 Ký hợp đồng lao động

Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán trưởng, các chức danh quản lý khác và từng nhân viên của Công ty phải ký các hợp đồng lao động riêng biệt với Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ ký hợp đồng lao động với Hội đồng Quản trị, được đại diện bởi Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

26.2 Các vấn đề khác về lao động

Tất cả các vấn đề liên quan đến nhân viên của Công ty, kể cả các hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, thời gian làm việc và ngày nghỉ, lương, bảo hiểm xã hội, tuyển dụng, đào tạo, thanh tra lao động, giải quyết tranh chấp lao động và những vấn đề có liên quan khác sẽ do Tổng Giám đốc quyết định theo quy định của Pháp luật.

26.3 Công đoàn

Nhân viên của Công ty có quyền thành lập công đoàn và tham gia vào các tổ chức chính trị - xã hội khác theo quy định của Pháp luật. Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội được thành lập trong Công ty phải hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật.

Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Điều 27. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

27.1 Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

27.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [05%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài

chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, từ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

27.3 Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này;

27.4 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

27.5 Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kê toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Chương IV

THÔNG KẾ KẾ TOÁN TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 28. Năm Tài chính

Năm tài chính cũng như niên hạn thuế của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 29. Tổng kết toán

29.1 Hệ thống Kế toán

Sổ tài khoản kế toán sẽ được Công ty lập theo đúng quy định của Pháp luật và sẽ được lập một cách trung thực và chính xác. Nếu được Pháp luật cho phép, Công ty sẽ áp dụng Chuẩn Mục Kế Toán Quốc Tế (IAS). Trong trường hợp ngược lại, Công ty sẽ áp dụng Chuẩn Mục Kế Toán Việt Nam (VAS). Tuy nhiên, đối với các báo tài chính đệ trình cho Cổ đông và Hội đồng Quản trị, dù VAS có thể không yêu cầu, Công ty sẽ phải công bố các thông tin sau:

- a. Báo cáo Tài chính tổng hợp;
- b. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- c. Các khoản công nợ ngoài bảng kết tài sản và các khoản công nợ tiềm tàng; và
- d. Chi tiết các Giao dịch Với Bên Có Liên Quan.

29.2 Tài khoản và Chứng từ

- a. Công ty có thể mở bất kỳ loại tài khoản nào, là tài khoản tiền đồng Việt Nam hoặc tài khoản ngoại tệ, là tài khoản vắng lai, tài khoản kỳ hạn hoặc tài khoản khác, tại chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng liên doanh giữa một ngân hàng nước ngoài và ngân hàng Việt Nam, hoặc tại một ngân hàng Việt Nam theo sự lựa chọn của Hội đồng Quản trị, và (với sự cho phép của Ngân hàng Nhà Nước, nếu Pháp luật yêu cầu) tại một ngân hàng nước ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- b. Công ty lập các sổ sách và tài khoản bằng tiền Đồng Việt Nam. Các sổ sách và tài khoản có thể được chuyển đổi sang Đô-la Mỹ nếu Hội đồng Quản trị yêu cầu và được Pháp luật cho phép.
- c. Tất cả các chứng từ kế toán, hóa đơn, sổ sách và báo cáo của Công ty sẽ được lập và lưu giữ bằng tiếng Việt. Tất cả các chứng từ và báo cáo kế toán và tài chính quan trọng phải được Tổng Giám đốc và Kế Toán trưởng phê chuẩn và ký tên.

- d. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
- e. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm phần kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
- f. Vào cuối mỗi quý tài chính, Công ty phải soạn thảo báo cáo tài chính, chưa hợp nhất và hợp nhất cho quý đó bao gồm bảng cân đối kế toán, bảng báo cáo thu nhập và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, có các chú giải, tất cả các bảng này đều được soạn thảo theo VAS hoặc trong trường hợp VAS không rõ hoặc không hoàn chỉnh, thì được soạn thảo theo IAS miễn là không mâu thuẫn với VAS (Các Báo Cáo Tài Chính Hàng Quý). Các báo cáo này phải được cung cấp cho Hội đồng Quản trị trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc mỗi tài chính.
- g. Nếu Hội đồng Quản trị yêu cầu, Công ty sẽ chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập có uy tín để tiến hành kiểm toán các Báo cáo Tài chính Thường niên và các báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm, và sau đó đệ trình báo cáo kiểm toán lên Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc sẽ đệ trình lên Đại Hội đồng Cổ đông và từng Thành viên Hội đồng Quản trị các báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán trong vòng ba tháng sau khi kết thúc năm tài chính cùng với báo cáo kiểm toán của Công ty kiểm toán. Hội đồng Quản trị sẽ lập một báo cáo trong đó nêu rõ ý kiến của các Thành viên Hội đồng Quản trị về mức độ phân ảnh trung thực và hợp lý của các Báo cáo Tài chính Thường niên và báo cáo tài chính tổng hợp hàng năm về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và về kết quả hoạt động kinh doanh của năm đó, đồng thời nêu nhân xét về tình hình và hiệu quả hoạt động của Công ty trong năm đó. Chi phí thanh toán cho Công ty Kiểm toán được chỉ định và duy trì phù hợp theo quy định của Điều khoản này sẽ do Công ty chi trả.
- h. Trong trường hợp các Công ty kiểm toán có uy tín từ chối trở thành Công ty kiểm toán cho Công ty do các báo cáo tài chính này trình bày kém, hoặc có khả năng bị đưa ra ý kiến loại trừ, Công ty sẽ phải ngay lập tức thực hiện các biện pháp cần thiết để cải thiện chất lượng của các báo cáo tài chính để Công ty kiểm toán có uy tín có thể thực hiện kiểm toán cho Công ty.
- i. Các Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền gặp Kiểm toán viên để thảo luận về các báo cáo tài chính của Công ty và các vấn đề có liên quan.
- j. Mỗi Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông cùng năm giữ hơn 10% số Cổ phần có quyền chọn thuê Công ty kiểm toán để kiểm toán các báo cáo tài chính chưa hợp nhất và/hoặc hợp nhất của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nếu được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị và với chi phí do Cổ đông hoặc nhóm các Cổ đông đó tự chi trả.
- k. Các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm Soát có quyền xem xét các tài khoản kế toán của Công ty vào bất kỳ lúc nào khi có nhu cầu, và Công ty phải hợp tác toàn diện trong quá trình xem xét này.

29.3 Kiểm toán

- a. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- b. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- c. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

- d. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

29.4 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 30. Phân phối lợi nhuận và lập quỹ

Hội đồng Quản trị có thể quyết định trích từ nguồn lợi nhuận của Công ty hoặc từ nguồn khác được Pháp luật cho phép để lập quỹ dự trữ và các quỹ khác cho những mục đích mà Hội đồng Quản trị xét thấy phù hợp.

Lợi nhuận ròng hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, Hội đồng Quản trị quyết định việc trích lập và ban hành quy chế sử dụng các loại quỹ.

Nguyên tắc phân chia lợi nhuận và chịu lỗ trong kinh doanh sẽ được Công ty tính toán cho các thành viên theo tỷ lệ vốn góp.

Điều 31. Trả cổ tức

31.1 Công bố Việc Chi trả Cổ tức

- a. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
- Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- b. Căn cứ theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông về công bố mức cổ tức, Hội đồng Quản trị sẽ quyết định phương thức thanh toán cổ tức, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về việc trả cổ tức được gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức và phải thực hiện theo đúng theo các quy định của Pháp luật.
- c. Cổ tức có thể được thanh toán bằng tiền mặt tại Văn phòng Công ty, hoặc bằng séc, hoặc bằng chuyển khoản đến các tài khoản trong phạm vi Việt Nam theo sự chỉ dẫn của Cổ đông, hoặc bằng Cổ phần nếu được sự chấp thuận của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc theo quy định của Pháp luật. Chi phí và các khoản phí tổn phát sinh trong việc gửi séc hoặc chuyển tiền sẽ do Cổ đông chịu và sẽ được Công ty trừ lại từ cổ tức của Cổ đông. Cổ đông chi trả cũng chịu trách nhiệm chi trả thuế đánh trên cổ tức.
- d. Đối với từng Cổ đông riêng lẻ, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) những bằng chứng khác cho thấy việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của Cổ đông ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của Cổ đông, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc, hoặc (iv) các tài liệu hoặc chứng từ khác của Công ty chứng minh việc thanh toán cổ tức bằng Cổ phần.
- e. Trong trường hợp nhiều Cổ đông đồng sở hữu một Cổ phần hoặc một số Cổ phần, những bằng chứng sau đây được xem là những bằng chứng xác nhận việc hoàn tất và đáp ứng đầy

đủ các nghĩa vụ thanh toán của Công ty đối với khoản cổ tức phải trả: (i) biên nhận có chữ ký của bất kỳ một trong số các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức thanh toán bằng tiền mặt, hoặc (ii) thông báo chuyển tiền của ngân hàng được Công ty chỉ định chuyển tiền có ghi rõ tổ chức tài chính và số tài khoản theo sự chỉ định của một trong các Cổ đông này, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng hình thức chuyển tiền, hoặc (iii) nhũ bản bằng chứng khác như việc chuyển séc đến địa chỉ cập nhật mới nhất của bất kỳ một người nào trong số đồng Cổ đông này ghi trong Sổ đăng ký tại thời điểm thanh toán hoặc một bản sao tờ séc có chữ ký của một trong số họ, trong trường hợp cổ tức được thanh toán bằng séc.

31.2 Không Tiền lại Đối với Cổ tức Chưa Thanh toán

Công ty không phải trả tiền lại đối với các cổ tức chưa thanh toán.

31.3 Cổ tức đã được chia nhưng Cổ đông chưa/không nhận

Tất cả các cổ tức đã được chia nhưng Cổ Đông chưa nhận có thể được đầu tư hoặc sử dụng vào mục đích khác vì lợi ích của Công ty cho đến khi được Cổ Đông nhận.

Điều 32. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Việc thu hồi thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức xảy ra trong hai trường hợp:

- Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 15
- Hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 31 của Bản Điều lệ này

Tất cả Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận; trường hợp có cổ đông không hoàn trả cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên Hội đồng Quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.

Điều 33. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ cho thành viên trái với qui định tại Điều 15 của Bản điều lệ thì tất cả thành viên phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về khoản nợ tương ứng với phần vốn đã giảm.

Chương V TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 34. Chia tách Công ty và hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty

Đại Hội đồng Cổ đông có quyền quyết định việc tổ chức lại (bao gồm hợp nhất, sáp nhập, phân tách, chia doanh nghiệp hoặc các hình thức tái cấu trúc khác theo quy định của Pháp luật) hoặc giải thể Công ty. Bất kỳ hoạt động tái cấu trúc hoặc giải thể sẽ phải được tiến hành theo cách thức do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 35. Chấm dứt hoạt động và thanh lý

35.1 Chấm dứt hoạt động

- Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, mà không được gia hạn;
 - Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

35.2 Gia hạn hoạt động

- Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
- Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

35.3 Thanh lý

- Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm [baj thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
- Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
- Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - Các chi phí thanh lý;
 - Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
 - Thuế và các khoản nợ có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - Các khoản vay (nếu có);
 - Các khoản nợ khác của Công ty;
 - Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (i) đến (v) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 36. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

36.1 Giải quyết tranh chấp không chính thức

- Tranh chấp (i) giữa các Cổ đông hoặc giữa các nhóm Cổ đông, hoặc (ii) giữa (các) Cổ đông và Hội đồng Quản trị, hoặc (iii) giữa (các) Cổ đông với (các) thành viên Ban Điều hành, hoặc (iv) giữa (các) Cổ đông và Ban Kiểm soát, trước tiên sẽ được giải quyết thông qua hình thức thảo luận và thương lượng trong thời gian 30 ngày.
- Nếu một Tranh chấp không được giải quyết theo Điều 36.1 (a) trong thời hạn cho phép nêu trên, bất kỳ phía nào cũng có thể gửi thông báo về Tranh chấp đó ("*Thông báo Tranh chấp*") đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị yêu cầu (i) Hội đồng Quản trị giải quyết đối với các Tranh chấp nêu trong đoạn (i) và (iii) của Điều 36.1 (a), hoặc (ii) Đại Hội đồng Cổ đông giải quyết Tranh chấp nêu trong đoạn (ii) và (iv) của Điều 36.1 (a). Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải ngay lập tức triệu tập Cuộc Họp Hội đồng Quản trị, hoặc tùy tình huống, triệu tập Đại Hội đồng Cổ đông theo đúng các thủ tục quy định trong Điều lệ này.

36.2 Các tranh chấp chưa được giải quyết

- Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [sáu] tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
- Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều lệ này tiếp tục có hiệu lực trong quá trình giải quyết tranh chấp nhưng không được ảnh hưởng đến quá trình giải quyết tranh chấp.

Điều 37. Hiệu lực của điều lệ

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được DHGD thông qua

Điều 38. Bỏ sung và sửa đổi Điều lệ

- Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó được ưu tiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 39. Các điều khoản khác

39.1 Các Điều khoản Không Hợp pháp, Không Hiệu lực hoặc Không có Khả năng Thực thi

Nếu Cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền tuyên bố hoặc phán quyết rằng bất kỳ một hoặc nhiều điều khoản nào của Điều lệ này là bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không có khả năng thực thi theo quy định của Pháp luật, thì một hoặc nhiều điều khoản đó sẽ được xem như bị loại bỏ khỏi Điều lệ trong mọi trường hợp, và các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

39.2 Văn bản Chấp thuận của Nhà Nước

Bất kỳ mọi nghĩa vụ xin cấp Văn bản Chấp Thuận của Nhà Nước nào được nêu trong Điều lệ này, dù được quy định một cách rõ ràng hoặc một cách ngụ ý, đều có giá trị hiệu lực chỉ khi Văn bản Chấp Thuận của Nhà Nước này là bắt buộc theo quy định của Pháp luật.

39.3 Bản chất Tích lũy của Các Quyền

Trừ khi có quy định khác đi một cách rõ ràng, các quyền và biện pháp khắc phục trong Điều lệ này sẽ mang tính tích lũy và không loại trừ bất kỳ các quyền và biện pháp khắc phục nào do Pháp luật quy định.

Điều 40. Điều khoản cuối cùng

40.1 Bản điều lệ này gồm 06 Chương; 40 Điều và 01 phụ lục, được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT dưới sự uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 nhất trí thông qua.

40.2 Các bản sao hoặc trích lục điều lệ này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người được uỷ quyền.

Phụ lục DỊNH NGHĨA

Luật doanh nghiệp: có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 **Ban Kiểm soát** nghĩa là ban kiểm soát của Công ty, có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;

Báo cáo Tài chính Thường niên được định nghĩa tại Điều 29.2 (d);

bảng văn bản có nghĩa là hình thức viết tay, in ấn, đánh máy, hoặc một phương thức nào khác thể hiện hoặc tạo ra chữ viết, hoặc là sự kết hợp của nhiều hình thức thể hiện chữ viết; và

Các Cổ phần có nghĩa là cổ phần phổ thông do Công ty phát hành theo quy định của Điều lệ này và Cổ phần có nghĩa là bất kỳ một trong số Các Cổ phần đó;

Các Cổ phiếu có nghĩa là chứng chỉ do Công ty phát hành theo quy định của Điều 9 của Điều lệ này để làm bằng chứng quyền sở hữu tương ứng số lượng Cổ phần mà một Cổ đông cụ thể đang nắm giữ và Cổ phiếu có nghĩa là bất kỳ một trong số Các Cổ phiếu đó;

Cổ đông có nghĩa là cổ đông của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ này;

Cơ quan Nhà Nước có nghĩa là tất cả và bất kỳ một cơ quan nào trong số những cơ quan sau: Quốc Hội nước Việt Nam, Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội của Việt Nam, Chủ Tịch Nước, Chính phủ, Thủ Tướng, Văn phòng Chính Phủ, các Bộ, các Ủy Ban Nhân Dân hoặc bất kỳ các cơ quan, các sở trực thuộc, và bất kỳ hoặc tất cả các ủy ban, bộ trưởng, hội đồng, sở ban ngành, cơ quan hoặc viên chức khác, mà việc họ chấp thuận, phê chuẩn, đăng ký, cam kết, tham gia hoặc tư vấn là cần thiết cho Công ty đối với tất cả những vấn đề đề cập đến và dự kiến trong Điều lệ này;

Công ty nghĩa là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Điều lệ này;

Cuộc Họp Thường niên nghĩa là các cuộc họp hàng năm của Đại Hội đồng Cổ đông theo Điều 17.2 (a);

Cuộc Họp Hội đồng Quản trị nghĩa là bất kỳ cuộc họp nào của Hội đồng Quản trị;

Cuộc Họp Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường nghĩa là cuộc họp của Đại Hội đồng Cổ đông khác ngoài Cuộc Họp Thường Niên, được triệu tập theo quy định của Điều 17.2 (b);

Cổ đông Sáng lập là Cổ đông khởi xướng việc soạn thảo Điều lệ này để thành lập Công ty,

Cơ quan Cấp Giấy phép có nghĩa là Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp. Hồ Chí Minh hoặc, tùy vào thời điểm thích hợp, là một Cơ quan Nhà Nước khác có thể có trách nhiệm và thẩm quyền cấp giấy phép và giám sát việc thành lập, gia hạn và/hoặc hoạt động của Công ty theo quy định của Pháp luật;

Đa số phiếu có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho trên 50% số Cổ phần được nắm giữ bởi Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của Cổ đông hiện diện tại Cuộc Họp Đại hội đồng Cổ đông;

Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Đại Hội Đồng nghĩa là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền hạn quy định tại Điều lệ này và hoạt động căn cứ theo Điều lệ này và theo Pháp luật;

Đại Đa số phiếu có nghĩa là số phiếu biểu quyết đại diện cho ít nhất 65% số Cổ phần được nắm giữ bởi Cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của Cổ đông hiện diện tại Cuộc Họp Đại hội đồng Cổ đông;

Điều lệ nghĩa là bản Điều lệ này của Công ty, có thể được sửa đổi hoặc bổ sung vào từng thời điểm;

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh nghĩa là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Cơ quan Nhà Nước ban hành để thành lập Công ty, và có thể được sửa đổi hoặc bổ sung trong quá trình hoạt động vào từng thời điểm;

Giao dịch Với Bên Có Liên quan có nghĩa là giao dịch, bao gồm việc mua bán hoặc thuê tài sản, cung cấp thiết bị, vật tư hoặc cung cấp các dịch vụ hoặc việc gia hạn các khoản tín dụng hoặc giấy nhận nợ khác, được thỏa thuận giữa Công ty với một trong những Người sau đây: (i) Thành viên Hội đồng Quản trị, (ii) thành viên Ban Điều hành, (iii) thành viên Ban Kiểm soát, (iv) một Cổ đông hoặc một nhóm các Cổ đông nắm giữ hơn 10% số Cổ phần của Công ty, hoặc (v) bất kỳ một Người Có Liên quan nào với những Người mô tả từ phần (i) đến (iv); và các điều khoản của giao dịch được xem là gồm có bất kỳ khoản tiền hoa hồng hoặc các khoản thanh toán tương tự hoặc các lợi ích mà bất kỳ Người nào được liệt kê trong phần (i) – (v) nói trên nhận được, bất kể từ Công ty hoặc từ bên thứ ba, và các khoản tiền này phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc có liên quan đến bất kỳ các giao dịch nào mà Công ty tham gia.

Người có quan hệ gia đình bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng

Hội đồng Quản trị nghĩa là hội đồng quản trị của Công ty được bổ nhiệm, và có quyền hạn và trách nhiệm như quy định trong Điều lệ này;

Kiểm toán viên nghĩa là các Kiểm toán mà Công ty thuê theo Điều 29.2 (f);

Người có nghĩa là bất kỳ cá nhân, công ty, liên doanh, hiệp hội, tập đoàn, tổ chức, ngân hàng, tổ chức tài chính hoặc Cơ quan Nhà Nước hoặc pháp nhân khác có năng lực pháp lý theo quy định của Pháp luật, bao gồm bất kỳ Thành viên Hội đồng Quản trị nào, thành viên Ban Điều hành, thành viên Ban Kiểm soát, Cổ đông, hoặc bất kỳ các nhân viên nào của Công ty;

Năm có nghĩa là năm dương lịch;

Người có liên quan là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:

- a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;
- b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;
- c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;
- d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên;
- đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
- e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;
- g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty;

Pháp luật nghĩa là Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các Nghị định, thông tư hướng dẫn có hiệu lực hiện hành và có liên quan đến Công ty;

Quyền Chọn Bán có nghĩa là một quyền mà qua đó người nắm giữ cổ quyền, nhưng không có nghĩa vụ, bán một số lượng Cổ phần cụ thể cho người phát hành quyền theo những điều khoản và điều kiện cụ thể;

Quyền Chọn Mua nghĩa là một quyền mà qua đó người nắm giữ cổ quyền, nhưng không có nghĩa vụ, mua một số lượng Cổ phần cụ thể từ người phát hành quyền theo những điều khoản và điều kiện cụ thể;

Số Biên bản có nghĩa là số lưu trữ tất cả các biên bản của các Cuộc Họp Đại Hội đồng và Cuộc Họp Hội đồng Quản trị;

Sổ Đăng ký Cổ đông có nghĩa là sổ ghi nhận quyền sở hữu cổ phần của các cổ đông do Công ty lập và lưu giữ theo quy định của Điều 11;

Sự Chấp thuận của Nhà Nước có nghĩa là mọi sự chấp thuận, giấy phép, giấy đăng ký, hoặc các văn bản phê chuẩn khác trong phạm vi quyền hạn của các Cơ quan Nhà Nước mà theo Công ty là cần thiết để tiến hành các hoạt động kinh doanh và/hoặc để thực hiện các hoạt động khác được dự kiến bởi Pháp luật hoặc bởi Điều lệ này;

Trường Ban Kiểm soát nghĩa là người đứng đầu của Ban Kiểm soát;

Thông tin Mật được định nghĩa như tại Điều 25.2;

Tranh chấp nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, hoặc yêu sách phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này;

Thành viên Ban Điều hành có nghĩa là Tổng Giám đốc, (các) Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng, các Trưởng bộ phận và các vị trí quản lý khác mà Hội đồng Quản trị xác định là những vị trí quản lý trong Công ty;

Thăng nghĩa là thăng theo dương lịch;

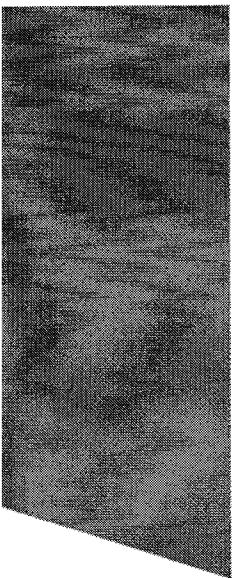
Tổng Tài sản có nghĩa là tổng tài sản của Công ty ghi trong sổ sách kế toán của Công ty vào từng thời điểm;

Văn phòng có nghĩa là trụ sở văn phòng đã được đăng ký của Công ty, trụ sở này có thể được thay đổi vào từng thời điểm theo quy định của Pháp luật và theo Điều lệ này;

Việt Nam có nghĩa là Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Vốn Điều lệ nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này;

VND hoặc **Đồng** có nghĩa là đồng tiền hợp pháp của Việt Nam./



hnt

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

Tp.HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v Thông qua Quy chế Hội đồng quản trị Công ty HPT)

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành Ngày 06 Tháng 4 năm 2015. (Dự thảo Quy chế đính kèm).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT theo đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội Đồng cổ Đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

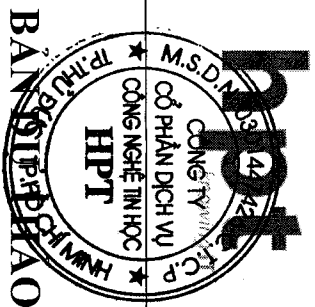
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Vĩ Đông

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Định nghĩa và các từ viết tắt.....	2
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.....	2
CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Các trường hợp Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	4
Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 7. Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	7
Điều 9. Các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	8
Điều 10. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT.....	10
Điều 11. Hội đồng quản trị quyết định bằng phiếu biểu quyết.....	10
Điều 12. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	11
Điều 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	11
CHƯƠNG IV BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	13
Điều 15. Trình báo cáo hàng năm của HĐQT.....	13
Điều 16. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 18. Nguyên tắc làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.....	15
Điều 19. Nguyên tắc làm việc giữa HĐQT và Ban kiểm soát.....	15
CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	16
Điều 20. Hiệu lực thi hành.....	16

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

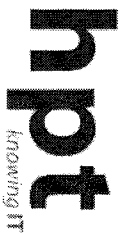
1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cụ thể về tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị, các cơ chế làm việc của Hội đồng quản trị và các vấn đề khác. Nhằm đảm bảo Hội đồng quản trị hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Công ty : Được hiểu là Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT
2. Điều lệ : Được hiểu là bản điều lệ chính thức của Công ty được DHDCTD thông qua
3. DHDCTD : Đại hội đồng cổ đông
4. HDQT : Hội đồng quản trị
5. TGD : Tổng giám đốc
6. BDH : Ban điều hành

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng Quản trị thực hiện quyền lãnh đạo, quyết định chiến lược phát triển, các chính sách hoạt động của Công ty thông qua các hình thức: nghị quyết, quyết định của HDQT. Theo đó, Ban điều hành, Tổng giám đốc và các cấp quản lý trong Công ty có trách nhiệm tổ chức thực hiện nội dung nghị quyết, quyết định của HDQT cũng như theo các quy định phân cấp trong HDQT.
2. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của DHDCTD. Các thành viên HDQT chịu trách nhiệm về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm tập thể trước pháp luật về việc tuân thủ đúng qui định của pháp luật và trước các cổ đông Công ty HPT. Đảm bảo việc tổ chức, điều hành hoạt động của Công ty vì sự phát triển chung và theo các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
3. Mục tiêu hoạt động của HDQT là nhằm tối đa hóa lợi nhuận và gia tăng tài sản (vô hình và hữu hình) cho Công ty; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông, cán bộ công nhân viên và các bên có liên quan của Công ty; giám sát hoạt động của các cán bộ quản lý; đảm bảo các thông tin về Công ty đầy đủ, chính xác; khách quan và kịp thời đối với cổ đông.



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Hội đồng Quản trị làm việc theo nguyên tắc độc lập, khách quan và tôn trọng sự đồng thuận. HĐQT chịu trách nhiệm trước Đại Hội đồng Cổ đông và pháp luật về các nghị quyết, quyết định của mình đảm bảo sự phát triển của Công ty theo nhiệm vụ do HĐQT giao phó.

CHƯƠNG II

TÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Tiêu chuẩn điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định Luật chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
5. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc

Điều 5. Các trường hợp Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
3. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
6. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
7. Việc bỏ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị : là (07) người và số lượng thay đổi tùy theo tình hình thực tế của công ty tại từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc

- Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền góp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
- Trường hợp đã xác định được ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tới thiếu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tinh trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
 - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
 - Việc bầu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp là theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 7. Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

**CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác) và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

13. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
14. Kiên nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
15. Kiên nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
16. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
17. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
18. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Điều 9. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị đề bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị; lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp những người dưới đây có đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị :
 - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị ;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu

tập hợp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất ba ngày trước. Khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

7. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định

bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 10. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tình chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
4. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phần đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

Điều 11. Hội đồng quản trị quyết định bằng phiếu biểu quyết

1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch HĐQT quyết định lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Phiếu biểu quyết được gửi kèm theo tờ trình của Tổng giám đốc (nếu có) và các tài liệu liên quan đến nội dung cần thông qua HĐQT.
2. Trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu biểu quyết và hồ sơ kèm theo, thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, nghiên cứu, quyết định ý kiến biểu quyết và gửi Phiếu biểu quyết về Công ty. Trong trường hợp khẩn cấp, theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, Chủ tịch HĐQT quyết định lấy ý kiến biểu quyết nhanh các thành viên HĐQT. Trong trường hợp này, trong thời hạn 24 giờ các thành viên HĐQT có trách nhiệm gửi ý kiến biểu quyết về Công ty theo một trong các cách thức phù hợp do HĐQT công ty quyết định và thông báo.
3. Các quyết định của HĐQT chỉ được thông qua khi được sự đồng ý của trên 50% số thành viên HĐQT có quyền tham gia lấy ý kiến bằng văn bản. Kết quả biểu quyết bằng phiếu ý kiến có giá trị như các quyết định trong một phiên họp của HĐQT.

Điều 12. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị.

- Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiêu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu ban.

- Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 13. Người phụ trách quản trị công ty

- Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - Tham dự các cuộc họp;
 - Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 14. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng

tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- a. Văn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- g. Văn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- h. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Trường họp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.
3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường họp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng

**CHƯƠNG IV
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 15. Trình báo cáo hằng năm của HĐQT

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1,2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 16. Thủ lao, thường và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thường cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thường. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thường của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị

Điều 17. Công khai các lợi ích liên quan của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp

hoặc cổ phần đó:

- b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận.

**CHƯƠNG V
NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 18. Nguyên tắc làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về công tác điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty.
2. Ban điều hành dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định của HĐQT, của Chủ tịch HĐQT. Khi thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, trường hợp phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo HĐQT để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến, báo cáo cho Ban Kiểm soát.

3. Ngoài những việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành toàn bộ hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Chủ tịch có thể mời thành viên Ban điều hành tham gia cuộc họp của HĐQT. Ngoài ra Tổng giám đốc chủ động báo cáo, cập nhật các thông tin, hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các giải pháp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tôn trọng và lắng nghe các ý kiến của Tổng giám đốc để triệu tập HĐQT xem xét, quyết định giải pháp giải quyết các khó khăn của Tổng giám đốc, tạo điều kiện tối đa cho Tổng giám đốc kinh doanh có hiệu quả.

Điều 19. Nguyên tắc làm việc giữa HĐQT và Ban kiểm soát.

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan, bình đẳng, độc lập của Ban kiểm soát.
2. Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo cho HĐQT những vấn đề phát sinh tại cuộc họp của Ban Kiểm soát. Mọi biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được gửi đến HĐQT. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

**CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty được thông nhất thông qua ngày tháng năm 2021 và được trình ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị Quyết số ngày tháng năm 2021.
2. Trường hợp pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Quy chế này trái với quy định pháp luật hiện hành hoặc có những nội dung mà Quy chế này không quy định thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy định của pháp luật hiện hành.
3. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do HĐQT quyết định.
4. Quy chế gồm VI chương và 20 điều được lập bằng Tiếng Việt và được ban hành chính thức, lưu trữ tại Công ty. Các bản sao hoặc trích lục phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền.

TP.HCM, Ngày Tháng 08 Năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGÔ VI ĐÔNG

Tp.HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v Thông qua quy chế quản trị)

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

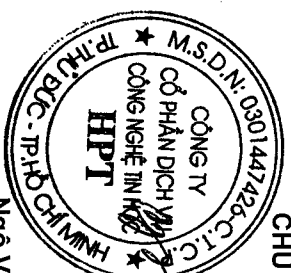
Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT (*Dự thảo Quy chế đính kèm*).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT theo đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội Đồng cổ Đông xem xét và thông qua.
Trân trọng /

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

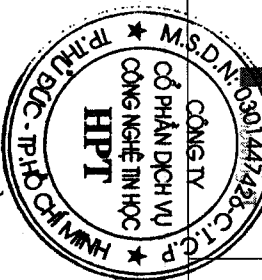
CHỦ TỊCH



Ngô Văn Đông

hpt

QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY



CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định cụ thể các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT (gọi tắt là Công ty HPT) liên quan đến các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cũng như mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý trên.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho tất cả các cổ đông và/ hoặc các thành viên không phải là cổ đông nhưng tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của công ty bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan khác.

Điều 2. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Công ty : Được hiểu là Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT
2. Điều lệ : Được hiểu là bản điều lệ chính thức của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua
3. DHDĐCD : Đại hội đồng cổ đông
4. HDQT : Hội đồng quản trị
5. TGD : Tổng giám đốc
6. BDH : Ban điều hành

Điều 3. Cơ cấu tổ chức và quản trị của Công ty

Trên cơ sở các quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty, mô hình tổ chức và quản trị của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông

DHDĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, thực hiện chức năng cùng các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ của Công ty và theo quy định pháp luật Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị

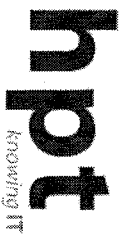
HDQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.

3. Tổng giám đốc và Ban điều hành

TGD là người đại diện theo pháp luật của Công ty, với sự trợ giúp của Ban điều hành mà TGD là người đứng đầu chịu trách nhiệm điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty trên cơ sở tuân thủ các quyết định, Nghị quyết của DHDĐCD, HDQT, và chủ tịch HDQT.

4. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện quyền giám sát HDQT, TGD, các cán bộ quản lý khác trong việc quản lý điều hành Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước DHDĐCD trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao được quy định tại Điều lệ Công ty và quy chế này.



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

5. Người phụ trách quản trị Công ty

Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm chức vụ thư ký Công ty là chức vụ đảm nhiệm vai trò hỗ trợ HĐQT trong công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Quyền và nghĩa vụ của người quản trị công ty sẽ thực hiện theo quy định tại Điều 19.6 Điều lệ của Công ty và theo quy định pháp luật có liên quan

**CHƯƠNG II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG****Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông****1. Cổ đông có các quyền sau**

- Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo ra cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Nghĩa vụ của cổ đông

- Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- e. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- f. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - ii. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - iii. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - v. Gửi phiếu biểu quyết bằng [phương tiện khác] theo quy định trong Điều lệ công ty.
- g. Chiu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- I. Vi phạm pháp luật;
- II. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- III. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
- h. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.
2. Cổ đông lớn không được dùng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác. Trong đó luôn phải đặt ưu tiên hàng đầu cho lợi ích tốt nhất của Công ty xét trong dài hạn.
3. Cổ đông lớn có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật, đặc biệt là nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của luật chứng khoán.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định giữa hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 3 Điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;
 - d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- Điều 7. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**
1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
 2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Cách thức ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thực hiện theo quy định Quy định ĐHĐCĐ trực tuyến do HĐQT ban hành.

Điều 8. Triệu tập họp, thông báo mời họp, điều kiện, thể thức họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá [10 ngày] trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [21 ngày] trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

3. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn [30 ngày], kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ [33%] tổng số phiếu biểu quyết trở lên. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết và thực hiện theo các trình tự được quy định tại Điều lệ Công ty.
 - b. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
 - c. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
 - d. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều lệ Công ty phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.
- 5. Đại hội đồng cổ đông theo hình thức trực tuyến:**
- a. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - b. Tùy từng điện kiện tổ chức DHDCEB thường niên hàng năm Công ty sẽ áp dụng các hình thức họp trực tuyến phù hợp.
 - c. Quy trình cách thức thực hiện như : Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến; Cách thức bỏ phiếu trực tuyến được thực hiện theo hướng dẫn Đại hội đồng cổ đông trực tuyến do HĐQT ban hành.
 6. Thăm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
4. Tiêu chuẩn điều kiện của thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định Luật chứng khoán và Luật Doanh nghiệp.
5. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc

Điều 10. Các trường hợp Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
2. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
3. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.
6. Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật và chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác] và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

18. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán

Điều 12. Chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không được kiêm chức Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành của Công ty..
 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 13. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị trong trường hợp những người dưới đây có đề nghị bằng văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị :
 - a. Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị ;
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
6. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát ít nhất ba ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
7. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.
 - Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức; có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

Điều 14. Biểu quyết tại cuộc họp HĐQT

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị và những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phân quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phần đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

Điều 15. HĐQT quyết định bằng phiếu biểu quyết

1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch HĐQT quyết định lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Phiếu biểu quyết được gửi kèm theo tờ trình của Tổng giám đốc (nếu có) và các tài liệu liên quan đến nội dung cần thông qua HĐQT.
2. Trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được phiếu biểu quyết và hồ sơ kèm theo, thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét, nghiên cứu, quyết định ý kiến biểu quyết và gửi Phiếu biểu quyết về Công ty. Trong trường hợp khẩn cấp, theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, Chủ tịch HĐQT quyết định lấy ý kiến biểu quyết nhanh các thành viên HĐQT. Trong trường hợp này, trong thời hạn 24 giờ các thành viên HĐQT có trách nhiệm gửi ý kiến biểu quyết về Công ty theo một trong các cách thức phù hợp do HĐQT công ty quyết định và thông báo.
3. Các quyết định của HĐQT chỉ được thông qua khi được sự đồng ý của trên 50% số thành viên HĐQT có quyền tham gia lấy ý kiến bằng văn bản. Kết quả biểu quyết bằng phiếu ý kiến có giá trị như các quyết định trong một phiên họp của HĐQT.

Điều 16. Các tiêu bản của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiêu bản trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiêu bản do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiêu bản và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiêu bản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiêu bản phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiêu bản chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu bản.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu bản trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 17. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục tập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Thành viên của Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp là theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người ứng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty
4. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát, không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này;
- b. Thành viên đó có thể từ chức nhưng phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên Ban kiểm soát phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
- c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Điều 19. Quyền và nghĩa vụ Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình ;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc ;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và .
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải hợp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là [hai] người.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ được thanh toán kể cả các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Điều 20. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác ;
 - d. Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 21. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 22. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định thì thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thủ lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty

CHƯƠNG V

BỘ MÁY QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

Điều 23. Tổng giám đốc và Ban điều hành

1. Hệ thống bộ máy quản lý của Công ty phải đảm bảo chịu trách nhiệm trước HĐQT, trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT.
2. Ban điều hành sẽ gồm các thành viên thường trực sau: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng, và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm từng thời điểm. Ban điều hành sẽ hoạt động theo sự phân công và điều hành của Tổng giám đốc.
3. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc. Ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác có liên quan.
4. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng là (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại.
5. Mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong Hợp đồng lao động của các cán bộ quản lý cấp cao sẽ do HĐQT quyết định.

Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

Thay mặt cho Công ty, Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
2. Điều hành, quản lý và tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được phê chuẩn và các quyết định khác của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị, và báo cáo kết quả thực hiện lên Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị theo đúng quy định;
3. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Đại diện cho Công ty trước Cơ quan Nhà nước và trước những Người khác về tất cả các vấn đề liên quan đến các hoạt động của Công ty trong khuôn khổ của Điều lệ này và của các nghị quyết và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị;
5. Ký và thực hiện tất cả các hợp đồng, thỏa thuận và các văn bản khác, trừ các văn bản phải được Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định trong Điều lệ này hoặc theo nghị quyết của Hội đồng Quản trị hoặc Đại Hội đồng Cổ đông;
6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
7. Tuyển dụng lao động, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc điều chỉnh, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động

trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc. Quản lý việc thực thi tất cả các quy tắc và quy định về quản lý và hoạt động đã được Hội đồng Quản trị phê chuẩn;

8. Giám sát toàn bộ các khía cạnh của chiến lược kinh doanh, tài chính và ngoại hối, nhưng phải luôn trong giới hạn cho phép của Hội đồng Quản trị;

9. Thay mặt Công ty thanh toán và nhân các khoản tiền mặt, viết và nhân séc, nói chung, quản lý các tài khoản của Công ty, cũng như giải quyết tất cả các vấn đề về tài chính, thuế, và ngoại hối của Công ty trong giới hạn cho phép được xác định bởi nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị;

10. Thực thi các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI.
NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25. Nguyên tắc làm việc giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về công tác điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty.
2. Ban điều hành dưới sự lãnh đạo của Tổng giám đốc, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết và quyết định của HĐQT, của Chủ tịch HĐQT. Khi thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, trường hợp phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng giám đốc báo cáo HĐQT để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến, báo cáo cho Ban Kiểm soát.
3. Ngoài những việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành toàn bộ hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty.
4. Chủ tịch có thể mời thành viên Ban điều hành tham gia cuộc họp của HĐQT. Ngoài ra Tổng giám đốc chủ động báo cáo, cập nhật các thông tin, hoạt động kinh doanh của Công ty, báo cáo các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị các giải pháp. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tôn trọng và lắng nghe các ý kiến của Tổng giám đốc để triệu tập HĐQT xem xét, quyết định giải pháp giải quyết các khó khăn của Tổng giám đốc, tạo điều kiện tối đa cho Tổng giám đốc kinh doanh có hiệu quả.

Điều 26. Nguyên tắc làm việc giữa HĐQT và Ban Kiểm soát.

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan, độc lập của Ban Kiểm soát.
2. Trường hợp Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo cho HĐQT những vấn đề phát sinh tại cuộc họp của Ban Kiểm soát. Mọi biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được gửi đến HĐQT. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 27. Nguyên tắc làm việc giữa Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của Công ty, hoặc có các dấu hiệu có sai phạm trong hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ của các cá nhân hoặc bộ phận trong Công ty, Tổng giám đốc, hoặc Ban điều hành có trách nhiệm báo ngay cho Trường hợp Ban Kiểm soát, hoặc thành viên Ban Kiểm soát.



QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

2. Tổng giám đốc, Ban điều hành có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát được tiếp cận các thông tin và các báo cáo, sổ sách, số liệu của Công ty trong thời gian nhanh nhất.

CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

- Quy chế quản trị Công ty được HĐQT Công ty thông nhất thông qua ngày tháng năm 2021 và được trình ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị Quyết số ngày tháng năm 2021.
- Trường hợp pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Quy chế này trái với quy định pháp luật hiện hành hoặc có những nội dung mà Quy chế này không quy định thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này do ĐHĐCĐ quyết định.
- Quy chế gồm VII chương và 28 điều được lập bằng Tiếng Việt và được ban hành chính thức, lưu trữ tại Công ty. Các bản sao hoặc trích lục phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền.

TP.HCM, Ngày Tháng 08 Năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NGÔ VI ĐỒNG

Tp.HCM, ngày 27 tháng 9 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

(V/v Thông qua quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát)

Kính thưa đại hội,

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

Nhằm đảm bảo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT, đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát trình ĐHDCCD dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được ban hành ngày 29 tháng 08 năm 2014 (*Dự thảo Quy chế đính kèm*).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát thực hiện việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT theo đúng quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội Đồng cổ Đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./

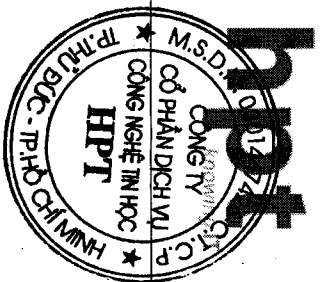
T/M BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT



MỤC LỤC

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Định nghĩa và các từ viết tắt	2
Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát	2
CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	2
Điều 4. Thành viên của Ban kiểm soát	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 6. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 7. Quyền và nghĩa vụ chung của Ban kiểm soát	4
Điều 8. Trách nhiệm của Kiểm soát viên	6
CHƯƠNG III CUỘC HỌP, CÁC BẢO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH CỦA BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 9. Cuộc họp của Ban kiểm soát	6
Điều 10. Trình báo cáo hàng năm	6
Điều 11. Công khai các lợi ích liên quan của thành viên Ban kiểm soát	7
CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY	8
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	8
Điều 13. Mối quan hệ với cổ đông	8
Điều 14. Nguyên tắc làm việc giữa HĐQT và Ban kiểm soát	8
Điều 15. Nguyên tắc làm việc giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	9
CHƯƠNG V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	10
Điều 16. Hiệu lực thi hành	10

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty quy định cụ thể các tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát, và các cách thức hoạt động của Ban kiểm soát, mối quan hệ của Ban kiểm soát với HĐQT và Tổng giám đốc và các nội dung liên quan khác. Đảm bảo tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các cá nhân, tổ chức có liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty.

Điều 2. Định nghĩa và các từ viết tắt

1. Công ty : Được hiểu là Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT

2. Điều lệ : Được hiểu là bản điều lệ chính thức của Công ty được ĐHĐCĐ thông qua

3. ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông

4. HĐQT : Hội đồng quản trị

5. TGD : Tổng giám đốc

6. BDH : Ban điều hành

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

**CHƯƠNG II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 4. Thành viên của Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban Kiểm soát.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện theo Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp là theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty
4. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bỏ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát, không đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này;
 - b. Thành viên đó có thể từ chức nhưng phải gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty. Đơn từ chức phải được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên Ban Kiểm soát phải giải quyết xong tất cả các trách nhiệm công việc của mình được giao trong nhiệm kỳ và chịu mọi thiệt hại (nếu có) do mình gây ra trong thời gian đương nhiệm.
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phân quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác ;
- d. Không phải là người quản lý công ty; Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

Điều 6. Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát

Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định thì thủ lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thủ lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thủ lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thủ lao bình quân hằng ngày của thành viên;
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thủ lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Thủ lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ chung của Ban kiểm soát:

1. Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình ;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ;
 - g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc ;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban

Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là [hai] người.

Điều 8. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

**CHƯƠNG III
CUỘC HỌP, CÁC BÁO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 9. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 10. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát.
3. Thu lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty.
5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

6. Kết quả đánh giá sự phù hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
7. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phc duyệt danh sách tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức Kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết

Điều 11. Công khai các lợi ích liên quan của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát của công ty phải kc khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán và công bố thông tin.
5. Thành viên Ban Kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG CÔNG TY

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
3. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Mối quan hệ với cổ đông

1. Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát về việc quản lý và điều hành hoạt động của công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông.
2. Ban kiểm soát và các kiểm soát viên của Ban kiểm soát phải luôn trung thành với lợi ích của Tổng công ty, lợi ích của cổ đông; chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Tổng công ty. Ban kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát cho DHDCEĐ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của DHDCEĐ, cổ đông lớn

Điều 14. Nguyên tắc làm việc giữa HĐQT và Ban kiểm soát.

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan, bình đẳng, độc lập của Ban kiểm soát.
2. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo cho HĐQT những vấn đề phát sinh tại cuộc họp của Ban kiểm soát. Mọi biên bản họp của Ban kiểm soát phải được gửi đến HĐQT. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 15. Nguyên tắc làm việc giữa Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của Công ty, hoặc có các dấu hiệu có sai phạm trong hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ của các cá nhân hoặc bộ phận trong Công ty, Tổng giám đốc, hoặc Ban điều hành có trách nhiệm báo ngay cho Trường Ban kiểm soát, hoặc thành viên Ban kiểm soát.
2. Tổng giám đốc, Ban điều hành có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin và các báo cáo, sổ sách, số liệu của Công ty trong thời gian nhanh nhất.

**CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 16. Hiệu lực thi hành

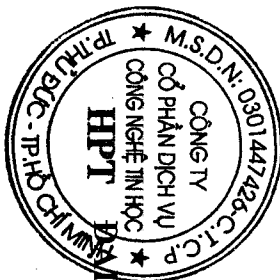
1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty thông nhất thông qua ngày tháng năm 2021 và được trình ĐHĐCĐ thông qua theo Nghị Quyết số ngày tháng năm 2021.
2. Trường hợp pháp luật có liên quan có sự thay đổi dẫn đến các nội dung của Quy chế này trái với quy định pháp luật hiện hành hoặc có những nội dung mà Quy chế này không quy định thì thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy định của pháp luật hiện hành.
3. Quy chế gồm V chương và 16 điều được lập bằng Tiếng Việt và được ban hành chính thức, lưu trữ tại Công ty.

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGUYỄN THỊ HOÀNG YẾN

hpt
knowing IT



PHIẾU BIỂU QUYẾT

HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

NGÀY 15/10/2021

HỌ VÀ TÊN CỔ ĐÔNG:

.....

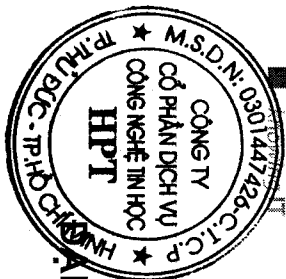
SỐ CỔ PHẦN:

..... CP (Tỷ lệ:%)

SỐ BIỂU QUYẾT:

001

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty CP DV Công nghệ Tin học HPT đến ngày 08/06/2021 là: 8.116.945 CP



BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

Thời gian: Từ 9h00 đến 12h00, ngày ... 2021

Địa điểm tổ chức: Văn phòng Công ty HPT, Lô E2a-3 Đường D1, Khu Công nghệ cao, P. Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP.HCM.

Thành phần tham dự:

1. Thành viên HĐQT - Chủ tịch HĐQT điều hành đại hội
2. Thành viên Ban Kiểm soát
3. Ban Thư ký
4. Và .../536 cổ đông tham dự và người ủy quyền dự họp, đại diện cho / 8,116,945 cổ phần, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Nội dung cuộc họp:

- I. Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự đại hội: Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT, các Thành viên HĐQT, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Ban Thư ký và đại diện cổ đông công ty HPT.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua chương trình đại hội, với **tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý**
- II. Thông qua kết quả tư cách cổ đông tham dự:
 - Tổng số lượng cổ đông của công ty chốt vào ngày **08/06/2021** là: **536** cổ đông (trong đó có 6 cổ đông tổ chức).
 - Số lượng cổ đông tham dự đại hội và người ủy quyền là .../536 cổ đông, đại diện cho / 8,116,945 cổ phần, tương đương% số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - Theo quy định về tỷ lệ bất buộc để có thể tiến hành tổ chức đại hội (Số cổ đông dự họp đại diện năm giữ ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông ngày 08/06/2021). Như vậy đã đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua chương trình đại hội, với **tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý**
- III. Thông qua chương trình Đại hội:
 - Ban tổ chức giới thiệu chương trình Đại hội
 - Cổ đông đồng phiếu biểu quyết (đồng ý, không đồng ý, ý kiến khác) thông qua công tác tổ chức và nội dung chương trình Đại hội.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua chương trình đại hội, với **tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý**
- IV. Phát biểu của ông Ngô Vi Đông - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
 1. Phát biểu khai mạc: Chào mừng sự có mặt của các cổ đông
 2. Báo cáo của HĐQT do ông Ngô Vi Đông – Chủ tịch HĐQT (Nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên năm 2020)
 - 2.1. Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020
(Nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên năm 2020)
 - 2.2. Tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ năm 2020

(Nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên năm 2020)

2.3. Kế hoạch hoạt động năm 2021

Trên cơ sở nhận định tình hình chung và căn cứ vào tiềm lực nội tại của HPT và cùng những những cơ hội, thách thức, HĐQT công ty đã đề ra những mục tiêu nhiệm vụ của năm 2021 như sau:

2.3.1. Đảm bảo an toàn cho CBNV, cho khách hàng và cộng đồng trước đại dịch Covid-19

- Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn, quy định về phòng chống dịch.
- Đảm bảo các hoạt động phục vụ khách hàng, các hoạt động chuyên môn, đào tạo từ xa được thực hiện nghiêm túc.
- Tuân thủ kỷ luật lao động trong thời kỳ dịch bệnh và làm việc tại nhà (WFH).
- Tích cực tham gia phòng chống dịch, chung tay cùng cộng đồng và sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi của Chính phủ, của đất nước cho chiến thắng đại dịch.

2.3.2. Xây dựng tổ chức, phát triển nguồn lực HPT

- Chia sẻ tâm nhin, mục tiêu nhiệm vụ và chiến lược phát triển của HPT đến tất cả cán bộ nhân viên
- Triển khai các chương trình phát triển nguồn lực cụ thể, hoàn thiện các cơ chế chính sách
- Triển khai mạnh mẽ chương trình nguồn lực Khung.
- Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học kỹ thuật và công nghệ lãnh nghề, chuyên nghiệp. Kiện toàn đội ngũ cán bộ kinh doanh, xây dựng đội ngũ kinh doanh giỏi nghiệp vụ, vững vàng trong mọi thử thách và có tinh thần đạo đức kinh doanh HPT.
- Xây dựng niềm tự hào là người HPT.

2.3.3. Về chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế trọng tâm và nâng cao năng lực quản trị của lãnh đạo

- Niên độ tài chính HPT năm 2021 là từ ngày 1/4/2021 đến 31/3/2022.
- Trước tình hình dự báo kinh tế có nhiều khó khăn, các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 của HPT dự kiến như sau:
 - o HPT phấn đấu đạt kế hoạch lợi nhuận ròng trước thuế 21 tỷ VNĐ, lợi nhuận ròng sau thuế là 16,8 tỷ VNĐ, doanh số Kế hoạch 950 tỷ VNĐ.
 - o Hoàn thiện công cụ và các ứng dụng CNTT phục vụ Ban lãnh đạo trong công tác điều hành (Dashboard), giám sát hoạt động từ xa... Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, kiểm soát chi phí, thực hành tiết kiệm và vận hành hiệu quả hoạt động của từng đơn vị kinh tế. Nâng cao hiệu quả quản trị dự án.

2.3.4. Về nhiệm vụ phát triển thị trường, khách hàng

- Hoàn thiện và thực thi kế hoạch chăm sóc khách hàng chiến lược, thể hiện rõ sự cam kết lãnh đạo ở mức cao trong quan hệ với khách hàng chiến lược.
- nỗ lực tìm tòi, phân tích thị trường để mở rộng phạm vi thị trường, khách hàng. Đẩy mạnh các hoạt động phát triển khách hàng theo hướng chủ trọng nhóm khách hàng là những tổ chức, doanh nghiệp nắm giữ những trọng trách của nền kinh tế, phát triển và bảo vệ tổ quốc.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động tại thị trường quốc tế, tập trung đi vào chuyên sâu dịch vụ, xây dựng chiến lược hợp tác lâu dài với khách hàng ở thị trường này.

2.3.5. Về nhiệm vụ chuyên môn Công nghệ Dịch vụ, xây dựng sức mạnh lõi của các trung tâm kinh tế kỹ thuật

- Thực hiện chiến lược chuyển đổi số, cụ thể hóa các chương trình chuyển đổi số trong nội bộ HPT và xây dựng Kiến trúc Khả thi chuyển đổi số cho các đối tượng khách hàng khác nhau, chú trọng mảng khách hàng chiến lược.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của các Trung tâm kinh tế, chú trọng công tác nghiệp vụ chuyên môn khoa học kỹ thuật, đầu tư mạnh mẽ cho các hướng sức mạnh lõi đã lựa

chọn, đặt mục tiêu cạnh tranh ở vị trí hàng đầu (TOP 1) so với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành.

- Năm 2020 HPT cần đầu tư nghiên cứu phát triển, xây dựng các chương trình hợp tác theo các định hướng phát triển của công nghệ hiện đại

2.3.6. Về mục tiêu nhiệm vụ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước

- Tiếp tục khẳng định mối quan hệ hợp tác với các công ty công nghệ hàng đầu thế giới, tập trung đi vào chiều sâu các giải pháp sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao phục vụ các đối tượng khách hàng đặc thù.

- Triển khai kế hoạch hợp tác chiến lược với các đối tác quan trọng, có cam kết lãnh đạo ở mức cao, có kế hoạch đánh giá, giám sát hiệu quả hợp tác.

- Phát triển hợp tác quốc tế với các đối tác công nghệ theo hướng chuyên giao công nghệ, cùng phát triển thị trường, phát triển thương hiệu sản phẩm công nghệ cao gắn với thương hiệu HPT.

2.3.7. Về nhiệm vụ xây dựng văn hóa HPT, phát triển thương hiệu và nâng cao năng lực quản trị điều hành

- Tiếp tục phát huy, duy trì bản sắc văn hóa HPT trong mọi mặt hoạt động. Hoàn thiện tài liệu “Văn hóa HPT là nền tảng phát triển bền vững của HPT”.

- Thực hiện các nội dung tuyên truyền, quảng bá hoạt động của HPT, đẩy mạnh truyền thông trên tất cả các phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài

- Duy trì và phát huy hình ảnh thương hiệu HPT, hình ảnh của HPT là công ty có văn hóa, có bản sắc riêng “Nhân bản – Hải hòa”, xứng đáng là công ty CNTT hàng đầu Việt Nam.

- Tổ chức các buổi chia sẻ, thảo luận về văn hóa và con người HPT.

2.3.8. Về nhiệm vụ công tác cổ đông và làm tốt công tác xã hội cộng đồng

- Phân đầu mức cổ tức cho cổ đông năm 2021 từ 8% đến 10% bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu.

- HPT tiếp tục là thành viên tích cực có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội, là doanh nghiệp có đóng góp cho sự phát triển của địa phương và của cả nước.

2.4. Mục tiêu - Chiến lược tầm nhìn của HPT đến năm 2025

2.4.1. Tầm nhìn, sứ mệnh

- **Tầm nhìn đến 2025**

“Xây dựng HPT trở thành Công ty Công nghệ hàng đầu trong các lĩnh vực giải pháp, dịch vụ CNTT - Truyền thông; Phát triển Phần mềm và Tích hợp các công nghệ tiên tiến”

- **Sứ mệnh**

“Thấu hiểu và phát triển những ứng dụng công nghệ tiên tiến cho khách hàng vì sự phồn vinh của khách hàng, của HPT và của Việt Nam”

“HPT quyết tâm trở thành một tổ chức văn minh hiện đại có năng lực phát triển mạnh mẽ, thành công và thịnh vượng; là môi trường tự do cho nhân tài phát triển, là niềm tự hào của trí thức Việt Nam”

2.4.2. Mục tiêu chiến lược đến 2025

- (1) HPT trở thành Công ty Công nghệ hàng đầu trong các lĩnh vực dịch vụ CNTT - Truyền thông, Phát triển phần mềm và Tích hợp các công nghệ tiên tiến (Top 5 công ty Tích hợp Hệ thống, Top 5 công ty Dịch vụ Phần mềm (trong một số lĩnh vực lựa chọn)).

- (2) Về kinh tế: HPT Là công ty hoạt động có hiệu quả kinh tế, tăng trưởng và tái rộng. Mức trả cổ tức hàng năm từ 8% trở lên. Mức thu nhập của CBNV được cải thiện, tương xứng hoặc cao hơn so với mặt bằng thị trường.

- (3) Con người, nguồn lực: Nguồn nhân lực HPT đạt trình độ đẳng cấp Khu vực ASEAN trong các lĩnh vực hoạt động. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý tài giỏi - bản lĩnh, đội ngũ chuyên gia chuyên nghiệp - cam kết. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo trẻ kế thừa, sẵn sàng đảm nhiệm yêu cầu lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp.

- (4.) Thị trường: HPT tập trung vào đối tượng khách hàng là các cơ quan, doanh nghiệp thuộc các thành phần chủ chốt của nền kinh tế, khu vực quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng... Mở rộng hoạt động trong khu vực ASEAN và toàn cầu.
 - (5.) Duy trì và xây dựng văn hóa, thương hiệu HPT: Hình ảnh thương hiệu HPT là công ty dịch vụ CNTT – Truyền thông có năng lực cạnh tranh, có uy tín và bản sắc văn hóa “Nhân bản – Hải hòa”.
 - (6.) Khai thác hạ tầng cơ sở hiệu quả: Nhanh chóng đưa tòa nhà HPT tại Khu Công nghệ cao Tp.HCM vào hoạt động có hiệu quả, sẵn sàng cho giai đoạn 2 phát triển tại Khu Công nghệ cao trong thời gian sớm nhất có thể (trước năm 2025).
- 2.4.3. Chiến lược phát triển (Nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên 2019)**
- (1). Chiến lược con người
 - (2). Chiến lược công nghệ dịch vụ
 - (3). Chiến lược kinh doanh phát triển thị trường
 - (4). Chiến lược đầu tư hạ tầng
 - (5). Chiến lược phát huy bản sắc văn hóa
- V. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc do Ông Đinh Hà Duy Linh – Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc trình bày (nội dung chi tiết theo báo cáo Thường niên năm 2020)
1. **Đánh giá hoạt động năm 2020**
(Nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên năm 2020)
 2. **Kế hoạch kinh doanh năm 2021 (Nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên năm 2020)**
 - 2.1. **Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu kinh tế năm 2021**
 - Phần đầu đạt doanh thu toàn công ty: 950 tỷ đồng
 - Lợi nhuận ròng trước thuế: 16,8 tỷ đồng
 - 2.2. **Kế hoạch cổ tức năm 2021**
 - Công ty HPT dự kiến mức cổ tức năm năm 2020 là 8%-10% bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu.
- VI. Báo cáo của Ban Kiểm soát do ông Lê Nhật Hoàng Nam, Đại diện Ban Kiểm soát trình bày (nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên năm 2020)
- VII. Hội đồng Quản trị trình Đại hội thông qua các vấn đề:
1. Thông qua phương án phân phối Lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020
 - Nội dung chi tiết theo tờ trình.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua Phương án phân phối Lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý
 2. Thông qua việc Chi trả cổ tức năm 2020 - Kế hoạch cổ tức năm 2021
 - Chi trả cổ tức năm 2020:
 - o Trả cổ tức bằng tiền mặt: Tỷ lệ cổ tức là 7% trên mệnh giá (tức 700đ/cổ phiếu)
 - o Thời gian chi trả: Tháng 10/2021.
 - Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm năm 2021 là 8%-10% bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua việc chi trả cổ tức năm 2019 - Kế hoạch cổ tức năm 2020, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý
 3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty
 - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty cổ phần Dịch vụ công nghệ Tin học HPT
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua việc việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý
 4. Thông qua tờ trình Kinh phí hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021
 - Nội dung chi tiết theo tờ trình.

- Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua Kinh phí hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý
- 5. Thông qua tờ trình thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán
 - Nội dung chi tiết theo tờ trình.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý
- 6. Thông qua Quy chế Hội đồng quản trị Công ty HPT
 - Nội dung chi tiết theo tờ trình.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý
- 7. Thông qua quy chế quản trị
 - Nội dung chi tiết theo tờ trình.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý
- 8. Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
 - Nội dung chi tiết theo tờ trình.
 - Tất cả cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán, với tỷ lệ 100% phiếu biểu quyết đồng ý

VIII. Phát biểu tổng kết - Bé mạc Đại hội

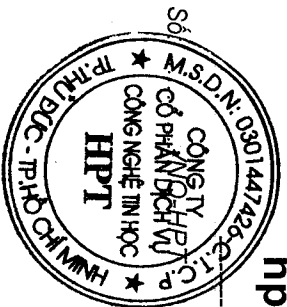
TRƯỞNG BAN THỦ KÝ

CHỦ TỌA

Nguyễn Thị Hoàng Yến

Ngô Vi Đông

hpt



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2021.

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ TIN HỌC HPT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT ngày 15 tháng 10 năm 2021.

Đại hội cổ đông thường niên 2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT được tổ chức tại Văn phòng với sự tham dự của/536 cổ đông và người ủy quyền dự họp, đại diện cho / 8,116,945 cổ phần, tương đương% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã thảo luận và thống nhất biểu quyết:

QUYẾT NGHỊ

1. Thông qua báo cáo của HĐQT, Ban TGD gồm các nội dung chính sau đây:

1. **Đánh giá kết quả hoạt động năm 2020**
(Báo cáo Thường niên 2021 đã gửi đến các Cổ đông).
2. **Tình hình thực hiện kế hoạch năm 2020**
(Báo cáo Thường niên 2021 đã gửi đến các Cổ đông).
3. **Kế hoạch hoạt động năm 2021**
 - 3.1. **Đảm bảo an toàn cho CBNV, cho khách hàng và cộng đồng trước đại dịch Covid-19**
 - Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn, quy định về phòng chống dịch.
 - Đảm bảo các hoạt động phục vụ khách hàng, các hoạt động chuyên môn, đào tạo từ xa được thực hiện nghiêm túc.
 - Tuân thủ kỷ luật lao động trong thời kỳ dịch bệnh và làm việc tại nhà (WFH).
 - Tích cực tham gia phòng chống dịch, chung tay cùng cộng đồng và sẵn sàng đáp ứng lời kêu gọi của Chính phủ, của đất nước cho chiến thắng đại dịch.
 - 3.2. **Xây dựng tổ chức, phát triển nguồn lực HPT**
 - Chia sẻ tầm nhìn, mục tiêu nhiệm vụ và chiến lược phát triển của HPT đến tất cả cán bộ nhân viên
 - Triển khai các chương trình phát triển nguồn lực cụ thể, hoàn thiện các cơ chế chính sách
 - Triển khai mạnh mẽ chương trình nguồn lực khùng.

- Tập trung xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học kỹ thuật và công nghệ lãnh nghề, chuyên nghiệp. Kiện toàn đội ngũ cán bộ kinh doanh, xây dựng đội ngũ kinh doanh giỏi nghiệp vụ, vững vàng trong mọi thử thách và có tinh thần đạo đức kinh doanh HPT.
- Xây dựng niềm tự hào là người HPT.

3.3. Về chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế trọng tâm và nâng cao năng lực quản trị của lãnh đạo

- Niệm đồ tài chính HPT năm 2021 là từ ngày 1/4/2021 đến 31/3/2022.
- Trước tình hình dự báo kinh tế có nhiều khó khăn, các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 của HPT dự kiến như sau:
 - o HPT phấn đấu đạt kế hoạch lợi nhuận ròng trước thuế 21 tỷ VNĐ, lợi nhuận ròng sau thuế là 16,8 tỷ VNĐ, doanh số kế hoạch 950 tỷ VNĐ.
 - o Hoàn thiện công cụ và các ứng dụng CNTT phục vụ Ban lãnh đạo trong công tác điều hành (Dashboard), giám sát hoạt động từ xa... Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, kiểm soát chi phí, thực hành tiết kiệm và văn hành hiệu quả hoạt động của từng đơn vị kinh tế. Nâng cao hiệu quả quản trị dự án.
- Tiếp tục mở rộng hoạt động tại thị trường quốc tế, tập trung đi vào chuyên sâu dịch vụ, xây dựng chiến lược hợp tác lâu dài với khách hàng ở thị trường này.

3.5. Về nhiệm vụ chuyên môn Công nghệ Dịch vụ, xây dựng sức mạnh lõi của các trung tâm kinh tế kỹ thuật

- Thực hiện chiến lược chuyển đổi số, cụ thể hóa các chương trình chuyển đổi số trong nội bộ HPT và xây dựng kiến trúc, khả thi chuyển đổi số cho các đối tượng khách hàng khác nhau, chú trọng mảng khách hàng chiến lược.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của các Trung tâm kinh tế, chú trọng công tác nghiệp vụ chuyên môn khoa học kỹ thuật, đầu tư mạnh mẽ cho các hướng sức mạnh lõi đã lựa chọn, đặt mục tiêu cạnh tranh ở vị trí hàng đầu (TOP 1) so với các đối thủ cạnh tranh cùng ngành.
- Năm 2021 HPT cần đầu tư nghiên cứu phát triển, xây dựng các chương trình hợp tác theo các định hướng phát triển của công nghệ hiện đại

3.6. Về mục tiêu nhiệm vụ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước

- Tiếp tục khẳng định mối quan hệ hợp tác với các công ty công nghệ hàng đầu thế giới, với các đối tác trong nước có năng lực, tập trung đi vào chiều sâu các giải pháp sản phẩm và dịch vụ công nghệ cao phục vụ các đối tượng khách hàng đặc thù.
- Triển khai kế hoạch hợp tác chiến lược với các đối tác quan trọng, có cam kết lãnh đạo ở mức cao, có kế hoạch đánh giá, giám sát hiệu quả hợp tác. Ban lãnh đạo phải quyết liệt hành động để đạt hiệu quả trong hợp tác nhằm nâng cao uy tín HPT, tạo điều kiện cho sự phát triển của HPT cùng đồng hành với các đối tác công nghệ hàng đầu thế giới.

- Phát triển hợp tác quốc tế với các đối tác công nghệ theo hướng chuyển giao công nghệ, cùng phát triển thị trường, phát triển thương hiệu sản phẩm công nghệ cao gắn với thương hiệu HPT.

3.7. Về nhiệm vụ xây dựng văn hóa HPT, phát triển thương hiệu và nâng cao năng lực quản trị điều hành

- Tiếp tục phát huy, duy trì bản sắc văn hóa HPT trong mọi mặt hoạt động. Hoàn thiện tài liệu “Văn hóa HPT là nền tảng phát triển bền vững của HPT”.
- Thực hiện các nội dung tuyên truyền, quảng bá hoạt động của HPT, đẩy mạnh truyền thông trên tất cả các phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài
- Duy trì và phát huy hình ảnh thương hiệu HPT, hình ảnh của HPT là công ty có văn hóa, có bản sắc riêngg “Nhân bản – Hải hòa”, xứng đáng là công ty CNTT hàng đầu Việt Nam.
- Tổ chức các buổi chia sẻ, thảo luận về văn hóa và con người HPT.

3.8. Về nhiệm vụ công tác cổ động và làm tốt công tác xã hội cộng đồng

- Phân đấu mức cổ tức cho cổ động năm 2021 từ 8% đến 12% bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu.
- HPT tiếp tục là thành viên tích cực có trách nhiệm với cộng đồng, với xã hội, là doanh nghiệp có đóng góp cho sự phát triển của địa phương và của cả nước.

4. Mục tiêu - Chiến lược tầm nhìn của HPT đến năm 2025

4.1. Tầm nhìn, sứ mệnh

- **Tầm nhìn đến 2025**

“Xây dựng HPT trở thành Công ty Công nghệ hàng đầu trong các lĩnh vực giải pháp, dịch vụ CNTT - Truyền thông, Phát triển Phần mềm và Tích hợp các công nghệ tiên tiến”.

- **Sứ mệnh**

“Thấu hiểu và phát triển những ứng dụng công nghệ tiên tiến cho khách hàng vì sự phồn vinh của khách hàng, của HPT và của Việt Nam”.

“HPT quyết tâm trở thành một tổ chức văn minh hiện đại có năng lực phát triển mạnh mẽ, thành công và thịnh vượng, là môi trường tự do cho nhân tài phát triển, là niềm tự hào của trí thức Việt Nam”.

4.2. Mục tiêu chiến lược đến 2025

- (1) HPT trở thành Công ty Công nghệ hàng đầu trong các lĩnh vực dịch vụ CNTT - Truyền thông, Phát triển phần mềm và Tích hợp các công nghệ tiên tiến (Top 5 công ty Tích hợp Hệ thống, Top 5 công ty Dịch vụ Phần mềm (trong một số lĩnh vực lựa chọn)).
- (2) Về kinh tế: HPT Là công ty hoạt động có hiệu quả kinh tế, tăng trưởng về lãi ròng. Mức trả cổ tức hàng năm từ 8% trở lên. Mức thu nhập của CBNV được cải thiện, tương xứng hoặc cao hơn so với mặt bằng thị trường.
- (3) Con người, nguồn lực: Nguồn nhân lực HPT đạt trình độ đẳng cấp khu vực ASEAN trong các lĩnh vực hoạt động. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý tài giỏi - bản lĩnh, đổi ngũ chuyên gia chuyên nghiệp - cam kết Xây dựng đội ngũ lãnh đạo trẻ kế thừa, sẵn sàng đảm nhiệm yêu cầu lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp.
- (4) Thị trường: HPT tập trung vào đổi tượng khách hàng là các cơ quan, doanh nghiệp thuộc các thành phần chủ chốt của nền kinh tế, khu vực quản lý Nhà nước, an ninh quốc phòng... Mở rộng hoạt động trong khu vực ASEAN và toàn cầu.
- (5) Duy trì và xây dựng văn hóa, thương hiệu HPT: Hình ảnh thương hiệu HPT là công ty dịch vụ CNTT – Truyền thông có năng lực cạnh tranh, có uy tín và bản sắc văn hóa “Nhân bản – Hải hóa”.
- (6) Khai thác hạ tầng cơ sở hiệu quả: Nhanh chóng đưa tòa nhà HPT tại Khu Công nghệ cao Tp.HCM vào hoạt động có hiệu quả, sẵn sàng cho giai đoạn 2 phát triển tại Khu Công nghệ cao trong thời gian sớm nhất có thể (trước năm 2025).

4.3. Chiến lược phát triển:

Bao gồm 05 chiến lược quan trọng (Nội dung chi tiết theo Báo cáo thường niên 2021)

- (1). Chiến lược con người
- (2). Chiến lược công nghệ dịch vụ
- (3). Chiến lược kinh doanh phát triển thị trường
- (4). Chiến lược đầu tư hạ tầng
- (5). Chiến lược phát huy bản sắc văn hóa

Đại hội nhất trí giao cho HĐQT và Ban Điều hành công ty tiếp tục triển khai mục tiêu, chiến lược, kế hoạch công tác đến từng đơn vị, phòng ban và cá nhân nhằm hoàn thành các kế hoạch chung.

II. Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát:

Nội dung chi tiết theo báo cáo của Ban Kiểm soát (Báo cáo Thường niên 2021 đã gửi đến các cổ động).

III. Thông qua các tờ trình:

1. Thông qua phương án phân phối Lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020
 - Báo cáo kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận
 - Thực hiện việc trích lập các quỹ

2. Thông qua việc Chi trả cổ tức năm 2020 - Kế hoạch cổ tức năm 2021
 - Chi trả cổ tức 2020:
 - Trả cổ tức bằng tiền mặt. Tỷ lệ cổ tức là 7% trên mệnh giá (tức 700đ/cổ phiếu)
 - Thời gian chi trả: Tháng 10/2021.
 - Dự kiến tỷ lệ cổ tức năm 2021 là 8%-10% bằng tiền mặt và/ hoặc cổ phiếu
 3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty
 - Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty cổ phần Dịch vụ công nghệ Tin học HPT
 4. Thông qua kinh phí hoạt động Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2021
 - Kinh phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát năm 2021: 200.000.000 VND/năm
 - Thuởng vượt chi tiêu: 10% trên phần Lãi ròng sau thuế TNDN vượt kế hoạch cam kết
 5. Thông qua thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán
 - Đại hội đồng Cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán Bảo cáo tài chính cho công ty HPT.
 6. Thông qua Quy chế Hội đồng quản trị Công ty HPT
 - Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT thay thế cho Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành Ngày 06 Tháng 4 năm 2015.
 7. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT theo đúng quy định pháp luật.
 8. Thông qua quy chế quản trị
 - Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT.
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT theo đúng quy định pháp luật.
 9. Thông qua quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
 - Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát thay thế cho Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát được ban hành ngày 29 tháng 08 năm 2014.
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát thực hiện việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT theo đúng quy định pháp luật.
- IV. Thông qua Nghị quyết Đại hội**
1. Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2021.
 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 15/10/2021. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 giao cho Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo công ty căn cứ vào kết luận của Đại hội để xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện những chủ trương đã được Đại hội thông qua.
 3. Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Tin học HPT kêu gọi toàn thể cán bộ nhân viên HPT phát huy truyền thống đoàn kết, lao động sáng tạo, ra sức khắc phục những khó khăn, yếu kém, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kế hoạch do Nghị quyết của Đại hội đã đề ra.
 4. Nghị quyết này sẽ được đăng trên website công ty HPT (www.hpt.vn) trong vòng 24 tiếng sau khi Đại hội kết thúc.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NGÔ VI ĐỒNG